NHÂN-VẬT VỚI HOÀN-CẢNH

Cũng cùng một thứ đất thó trắng ấy, thế mà gặp được bọn thầy thợ khôn-khéo có những phép-tắc tinh-vi, kiểu-mẫu hợp cách, lò khuôn đúng mực, cùng là những men những thuốc, những lửa-than nung-nấu, đều vừa-vặn phải phép, thì tất nó thành ra được những cái đồ đàn tinh xảo, tốt đẹp, hữu-dụng cho đời mà đáng quí giá vô ngần. Bằng cũng cùng một thứ đất thó trắng ấy,— không nói chi thứ khác— nhưng vô-phúc, gặp phải bọn thầy thợ vụng-về, đem những phép-tắc sai-lầm, kiểu-mẫu thô-bỉ, từ lò khuôn cho chí những men những thuốc những lửa than, cái gì cũng bất-toàn bất-cụ, mất mực trái phép, mà nặn hình vẽ mặt, nấu nung hun-đúc nên, thì hèn nào mà nó không thành ra những cái đồ đàn xấu méo; không những nó khiến cho kẻ đại-xảo coi ra đáng khinh đáng ghét, mà nó lại còn làm che lấp mất cả cái khiếu-thẩm-mĩ của kẻ dung-thường không được biết đến còn có nhiều những cái tinh-khéo khác nó nữa.

Coi đó thì biết cũng cùng một thứ đất thó, cùng một màu trắng-trẻo bẩm-tính tự trời, thế mà sở-dĩ thành ra được cái đồ đàn tinh-khéo hay là xấu-xa là đều do tự thầy thợ, phép tắc, kiểu-mẫu, thuốc men, than lửa và công-phu vẽ nặn nung-nấu, hun đúc nên, chứ tự nó có làm thế nào, tránh đi đâu, cho khác đi được. Nhân-vật với hoàn-cảnh cũng giống như thế không khác gì. Nhân-vật tức là những cái đồ đàn kia, mà hoàn-cảnh tức là những thầy thợ, phép-tắc, kiểu-mẫu, lò-khuôn, men thuốc, lửa than và công-phu vẽ nặn, nung-nấu, hun-đúc nên vậy.

Nhân-vật khác nghĩa với nhân-cách. nghĩa nhân-cách là chỉ riêng về phẩm-giá của từng người, mà nghĩa nhân-vật là chỉ chung về tư-cách của nhiều người trong một loạt đã xuất-hiện ra cùng một xã-hội, cùng một thời-đại. Thế cho nên xét về từng người thì dù xã-hội và thời-đại nào cũng không phải là không có một vài cái nhân-cách đặc-biệt khác thường, nhưng xét về số đông thì phàm đã sống trong một xã-hội, cùng một thời-đại, bao nhiêu những nhân-vật xuất-hiện ra ở đó, đại-khái dở hay là hay, đều tương-tự theo nhau một « mốt » cả. Đó là đều bởi cái sức của hoàn-cảnh nó đào-tạo tác-thành ra cả. Hay cũng là do nó đào-tạo tác-thành ra, mà dở cũng là do nó đào-tạo tác-thành ra cả. Cũng như những cái đồ sành đẹp hay là xấu là đều do ở chỗ công-phu nung-nấu, hun-đúc của những thầy-thợ, phép-tắc, lò-khuôn, kiểu mẫu, thuốc men, than-lửa mà ra cả. Nó ảnh-hưởng ở chỗ vô-hình, nó truyền-nhiễm ở chỗ vô-thanh, người ta bị cảm-hóa lại mầu-nhiệm hơn là những vật vô-tình, bị nó nấu-nung hun-đúc mà không tự biết. Ôi! quyền-lực của hoàn-cảnh thực là ghê-gớm thay!

Thế cho nên luận về nhân-vật mà không biết xét đến hoàn-cảnh, đã là người không sành, nhất là hay trách nhân-vật mà không biết trách hoàn-

cảnh thì lại là người không có lượng. Trách nhân-vật mà không trách hoàn-cảnh thì có khác gì người trông thấy một cái đồ sành sù-sì xấu-méo nào, bèn giận-dữ, la rầy, cầm lên quật xuống mà mắng-mỏ cái đồ sành ấy rằng: « Sao mi không tốt đẹp như cái kia! Sao mi dám xấu-xa như thế này! » Như thế phỏng có oan cho cái đồ-sành ấy không. Nếu nó mà có biết tất phải cãi lại rằng: « Tròn méo mặc dầu tay kẻ nặn, mặc dầu bao nhiêu cái đã do thầy thợ, phép-tắc, kiểu mẫu, lò-khuôn, thuốc men, than-lửa chung nhau lại mà nấu-nung hun-đúc để tạo-hóa nên cho tôi. Chứ nào tôi có quyền gì, có biết gì; vả chỉ biết có thế, chứ còn có biết đâu rằng thế là xấu không được đẹp bằng cái nào khác nữa ».

Các ông thử nghĩ, nếu cái đồ sành ấy mà nó có biết và có cãi lại với người kia được, thì cãi như thế há không phải là đúng lý lắm ư. Không những một cái đồ sành ấy, bao nhiêu những vật bị-tạo đều chung một số-phận như thế cả. Nhân-vật của một hoàn-cảnh cũng đều như thế mà thôi.

Phương-chi cái đồ sành xấu méo ấy bị người ta nặn vẽ, đúc nung nên mà không tự biết, chứ ví phỏng nó có biết thì trước khi còn là hòn đất thô chưa nên hình-dáng gì, nó có kêu cầu với tất cả những bọn thầy thợ, những lò-khuôn, phép-tắc, kiểu-mẫu, thuốc-men, than lửa kia rằng: « Phải kén-chọn kỹ-càng mà làm cho tôi tinh-mĩ và hữu-dụng để tôi ra đời được người ta quí! » Thì tất những bọn kia phải ngờ mà cho nó là cái quái-gở gì, tất họ phải đập phá vất bỏ nó đi, thì nó còn nên hình-dáng gì mà còn ra đời được.

Coi đó thì biết cái quyền chế-tạo ra đồ-vật toàn thuộc về người thợ, về lò khuôn, phép tắc thế nào, thì cái quyền chế-tạo ra nhân vật cũng toàn thuộc về hoàn cảnh như thế.

Hoàn-cảnh hay thì chế-tạo ra nhân-vật hay, hoàn-cảnh dở thì chế-tạo ra nhân-vật dở. Lẽ tất-nhiên không sao thoát khỏi. Ôi! đáng tôn-quí thay là hoàn-cảnh. Ôi! đáng giận dữ thay là hoàn-cảnh. Ôi! đáng yêu-mến gần-gũi thay là hoàn-cảnh. Ôi! đáng sợ-hãi trốn-tránh thay là hoàn-cảnh.

Hoàn-cảnh có hai phần: hoàn-cảnh thiên-nhiên và hoàn-cảnh nhân-tạo. Hoàn-cảnh thiên-nhiên như đất-đai, khí-hậu. Đất-đai có tốt xấu, khí-hậu có dữ lành. Hoàn-cảnh nhân-tạo như thời-thế, cảnh-ngộ; nói cho rõ nghĩa tức là chính-trị, chế độ, giáo-hóa, học-vấn và tập-nhiễm thuộc đồng-thời lúc bấy giờ.

Hoàn-cảnh thiên-nhiên tự nó tuy bất-dịch, nhưng gặp người thì nó phải đổi thay luôn. Nhất là sau khi khoa-học phát-đạt, nhân-xảo có thể đoạt được thiên-công, thì hoàn-cảnh thiên-nhiên đã hầu mất hết cái quyền-lực hay ngăn-ngừa cấm-đoán con đường tiến-hóa của loài người nữa rồi. Vậy phần thiên-nhiên không đủ quan-hệ gì cho cái công-cuộc đào-chú nhân-vật ngày nay; đủ toàn-quyền quan-hệ cho cái công-cuộc đào-chú nhân-vật ngày nay, chỉ còn có phần hoàn-cảnh về nhân-tạo mà thôi.

Hoàn-cảnh nhân-tạo nó có cái nguyên-nhân gần, có cái nguyên-nhân

xa. Nó bao-vi từ việc vô-hình cho đến việc hữu-hình, từ chỗ không nói cho đến chỗ có nói. Trong từ gia-đình của anh, ngoài đến bạn-bè làng nước cùng tất cả mọi người cùng sống chung làm một xã-hội với anh. Anh còn nhỏ anh vào nhà trường học-tập, anh khôn lớn anh đi dự cuộc xã-giao hội-họp. Nào cái dùi-cui cảnh-sát coi-sóc sự hành-vi của anh ở đầu đường lúc ban ngày, nào tiếng chuông tôn-giáo hoặc khuyên hoặc dọa tâm-hồn anh ở trên đường khi hôm sớm. Lại còn những sự mới lạ-lùng, việc biến mãnh-liệt mà anh đã mắt trông tai nghe, nó hoặc chính hoặc phản đã làm ảnh-hưởng, kích-thích và cảm-hóa cho tâm-tình anh.

Nói tóm lại thì là hết thảy mọi cái bởi người ta đã phát-xuất ra hoặc truyền-diễn vào ở trong một cái vùng không-khí mà anh đã cảm-thụ mà sinh ra, và đang sống còn, đang hành-động ấy, thì nó đều là hoàn-cảnh của anh đấy, chính nó nặn vẽ, nấu nung, hun-đúc ra cho anh đấy. Anh hay là nhờ ở đấy, anh dở là do ở đấy.

Có cái anh cười mà bị nó cảm, có cái anh khóc mà bị nó hóa, có cái anh giận-dỗi mà bị nó khích-thành. Nó đều phản-xạ vào tâm-tình, ý-chí của anh rồi phát-biểu ra làm tư tưởng, tính-hạnh và công-quá của anh, mà anh không tự biết, biết mà anh không tự tránh được.

Đối với hoàn-cảnh về phần thiên-nhiên ư, nhất là ngày nay, anh càng không cần. Tiết trời mà nóng-nực quá-độ, không lợi cho anh làm việc, thì đã có quạt điện cho anh mát mặt, nước đá cho anh mát lòng, Đồ-sơn, Tam-đảo, Đà-lạt cho anh mát thần-hồn anh. Đường đất cách-trở nghiêu-khê, không tiện cho anh đi lại, thì đã có xe hơi, xe hỏa, tầu thủy, tầu bay, tha-hồ cho anh lui tới. Đến như hoàn-cảnh về phần nhân-tạo thì khác. Hoàn-cảnh thiên-nhiên kia nó vốn ù-lì không có ý-thức; mà hoàn-cảnh nhân-tạo này thì nó khôn-ngoan và hay dụng-tâm, hết thảy đều bởi cái ý lợi-kỷ góp lại mà thành. Nó có nguyên-nhân gần và nguyên-nhân xa, bao-vi quanh mình anh từ việc hữu-hình cho đến việc vô-hình, từ trong nhà cho ra đến xã-hội. Nó cảm-thông đào-tạo cho anh mà anh không biết. Trước khi ra đời anh không được tự-do, sau khi ra đời anh càng không được tự-do. Đối với bên hoàn-cảnh nhân-tạo, anh đừng có tưởng sẽ tránh khỏi được một cách dễ-dàng cũng như đối với bên hoàn-cảnh thiên-nhiên trên kia vậy.

Thế cho nên, lấy đó mà suy, đối với anh cũng như đối với những nhân-vật về các thời-đại khác, tôi biết họ lắm. Họ mà hay, tôi yêu, nhưng tôi qui-công cho hoàn-cảnh bấy giờ. Họ mà dở, tôi không giận, tôi biết đó là theo cái khuôn nhân-vật đương-thời của họ bởi hoàn-cảnh lúc đó đúc nên.

Khách có người hỏi lại tôi rằng: Nhân-vật hay dở quan-hệ ở hoàn-cảnh tạo nên. Thế thì hay cứ hay mãi mà dở cứ dở hoài, thì sao lại còn có nghĩa tiến-hóa?

Tôi đáp lại rằng: Đời có tiến-hóa cũng có thoái-hóa. Hay cứ theo nhau mà càng thêm hay mãi lên, ấy là tiến-hóa. Dở cứ theo nhau mà càng thêm

dở mãi đi, ấy là thoái-hóa. Chứ dở thì còn tiến-hóa được sao. Tuy thế nhưng người ta có thể thắng-đoạt được trời, thì dở mà muốn cho tiến-hóa cũng được, nhưng phải thay đổi lại hoàn-cảnh trước đã. Hoàn-cảnh đã do nhân-tạo, thì cải-tạo lại hoàn-cảnh không ở người ta thì còn ở ai. Song cải-tạo lại cho hoàn-cảnh không trông ở nhân-vật chung một «mốt» hợp-thời, cái thời của họ mà phải nhờ ở nhân-cách riêng từng người. Nhân-cách riêng là do những người có sáng-kiến, sớm tỉnh-thức, chịu phí công-phu để tự-tu tự-tiến lấy cho mình, tự đào-chú lấy cho mình theo những cái lò-khuôn như trong ý-muốn, khác với những cái lò-khuôn lưu-tục, để tu-dưỡng cho mình có những cái tư-cách trượng-phu, độc-lập bất-cơ, bách-chiết bất-hồi ở đời. Nhân-cách đó rồi cũng cảm cũng kích, cũng hóa cũng truyền, ngày càng lan rộng, mà cái không-khí cũ mờ-ám tanh-tao của hoàn-cảnh trước, tự-nhiên thay đổi bao giờ không biết, mà xã-hội bèn tiến-hóa. Bấy giờ những nhân-vật theo «mốt mới», cái «mốt» khác xưa, lại xuất-hiện ra mà cung-cấp cho đời.

Người ta là giống có cảm có thức, không phải ù-lỳ dại-dột, trích-trích chi chi như hòn đất thó của nhà chế đồ đàn. Ý giả xã-hội tiến-hóa là trông-mong ở chỗ đó.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

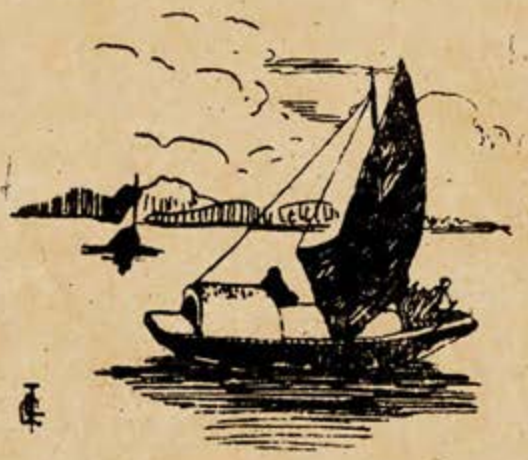

BỨC THƯ CỦA A-TRÒN-B-MÉO CƯ-SĨ

trả lời Ngang-bằng-sổ-ngay tiên-sinh

■

Bản-chí số 195 và 197 có đăng hai bài hài-văn nhan-đề là « Bức thư thần Quốc-ngữ kéo nài thần chữ Nho » và « Bức thư thần chữ Nho trả lời thần Quốc-ngữ » của ông Tùng-Vân, nói về chữ Quốc-ngữ với chữ Nho, nay bản-chí lại mới tiếp được bài sau này của ông Bạch-Trai ở Huế gửi ra, để đáp lại bài của ông Tùng-Vân và cũng bàn về vấn-đề ấy, bản-chí vui lòng lục-đăng để chư-tôn độc-giả nhàn-lãm và cho rộng đường dư-luận.

N.-P.

*
* *

Thưa Tiên-sinh,

Trước khi tôi trả lời bức thư của tiên-sinh hiện đăng trong số 197 báo *Nam-Phong* thì tôi hãy xin thất-lễ, xin cải-chính những cái xưng-hô của hai chúng ta đưa đi đưa lại cho nhau ngày trước, tức là những cái danh-hiệu « Ngang-bằng sổ-ngay » và « A tròn B méo » mà xin sửa đổi lại về phần Tiên-sinh là « Chi-Hồ tiên-sinh », về phần tôi thì là « A-B tiện-sĩ » ; vì tôi thiển-nghĩ những cái danh-hiệu ấy dài quá, chẳng khác chi các vua đời Lý đời Lê, mỗi khi dâng tôn-hiệu đặt đến hai ba hàng giấy, làm cho người ta không có thể nhớ được, nên muốn đổi lại hai hiệu này cho được gọn-gàng và dễ nhớ. Điều đó không phải tôi có ý muốn lập-dị, xin tiên-sinh lượng thứ cho, và xin tiên-sinh cho phép tôi từ đây trở về sau, chỉ gọi tiên-sinh là « Chi-Hồ tiên-sinh » mà thôi.

Thưa Chi-Hồ tiên-sinh,

Theo những ý-nghĩa trong bài tiên-sinh trả lời cho tôi, tôi vẫn cảm ơn tiên-sinh, đối với tôi đã từng tỏ ra nhiều lời-lẽ hồn-toàn, nhưng xét kỹ thì trong cái lời-lẽ hồn-toàn đó có tỏ ra nhiều giọng bì-lý (1), tôi không có thể đọc xong một bản sách « bì-lý Xuân-thu » mà ôm bụng ngậm câm không có một lời nào đáp lại với tiên-sinh được ; vậy nếu sau này tôi có thất-ngôn điều gì đến nỗi trái ý tiên-sinh, cũng xin tiên-sinh lượng tình mà tha lỗi.

Sách có câu: « Nhân khổ bất tự tri kỳ quá », nghĩa là « con người đời chỉ khổ một điều tự mình không biết cái lỗi của mình », vậy trước khi tôi sắp biện-bác với tiên-sinh, tôi hãy xin nhận mấy điều sở-đoản của bọn tôi cho tiên-sinh được hiểu rõ :

1° — Bọn chúng tôi có một số nhiều người mình vóc dài ượn, như những tên *Nguyên*, tên *Nghiêng*, tên *Khuynh* v. v., mỗi người dài đến mấy thước ; mỗi khi ngồi bàn dự tiệc, bên bọn tiên-sinh mỗi một cái ghế ngồi được đến

(1) *Bi-lý* 皮 裡 = *Nghĩa bóng là khen chê ngầm.*

hơn mười người, mà bên bọn tôi thì chỉ ngồi được vài ba người đã chật ních không cựa được, chẳng khác chi mấy anh học-trò dài lưng tốn vải đời xưa, như vậy thì quả là thêm cho xã-hội một món tiền phí-tổn vô-ích.

2° — Bọn tôi có nhiều người trang-sức rất kỳ-dị, như hai anh em tên *Cần* và tên *Cấn*, vì diện-mạo giống nhau, sợ người ngoài không nhìn được, nên chi anh thì cạo râu đi mà để lại một hàng râu mép bên hữu, em thì để lại một hàng râu mép bên tả, xem chẳng khác gì mấy thằng hề trong trường hát bội; mà nếu lại bị mấy tên thợ cúp ở bên cạnh nhà giây thép nó đem cạo trụi cả đi, thì *Cần* với *Cấn* quay lại in nhau như hệt, không ai nhận được đứa nào là anh là em nữa. Điều này cũng đã có người kêu, nào xin thay đổi cái trang-sức ấy đi, mà cũng chưa nghe được cái giai-tín gì cả.

3° — Bọn chúng tôi số người rất ít, chỉ được có 25 người, tuy là có cái tài thiên-biến vạn-hóa, nhưng xét lại thì nhiều người tương-tự như nhau, nên-chi những người quen biết với bọn tôi, dù lâu năm đến thế nào, mà họ nhìn mặt cũng khó nhớ, chứ không phải như bên bọn của tiên-sinh hễ đã quen mặt thì nhìn được liền.

4° — Bọn chúng tôi về môn âm-thoại, nhiều người đang còn đeo giọng chớt-chát, như chữ *tàn-sát*, có người lại gọi là *tàng-sác*, chữ *trân-trọng*, có người lại gọi là *chân-chọng*; chúng tôi đương còn ao-ước làm sao cho có một quyền tự vị, để thống-nhất lại những cái âm-thoại sai-thủ, mà cũng chưa thấy tăm hơi gì cả.

Sau khi đã trình-bày cái sở-đoản của chúng tôi xong rồi, thì tôi xin nói tiếp theo cái dây liên-lạc của hai chúng ta ở trên con đường học-giới đời nay.

Cứ như bài trả lời của tiên-sinh trước kia, thì tiên-sinh vẫn tự-phụ là một bậc tiền-bối ra đời đã lâu, và miệt-thị chúng tôi là phường thiếu-niên tân-tiến. Tôi xin vâng, xin chịu lời ấy là rất đúng. Tôi vẫn biết tiên-sinh ra đời từ khi vua Phục-hi bên Trung-hoa tạo ra văn-tự, cách nay ước độ năm ngàn năm, mà bước qua đất nước chúng tôi là từ khi ông Sĩ-vương qua dạy Thi-Thư trong năm 187, cách nay cũng đến hơn 1740 năm rồi, mà chúng tôi thì ra đời tuy được hơn nửa thế-kỷ, nhưng kể từ khi đồng-bào ngỏ lòng yêu-chuộng, thì chỉ mới bắt đầu từ lúc cải-định thi-pháp về năm 1909, cách nay chỉ mới được 25 năm mà thôi. Vậy tiên-sinh đối với chúng tôi, không những là bậc phụ-chấp bậc sư-trưởng, mà lại cũng như là một bậc tiên-tổ, không khác gì vua Kinh-dương ngày xưa vậy. Thế thì ai là lão-thành, ai là tân-tiến, cũng đã hiển-nhiên ra trước con mắt thiên-hạ rồi, tôi đâu có dám chối cãi gì được nữa.

Nhưng mà, thưa tiên-sinh, xin tiên-sinh phải biết cho rằng, con người đời sở-dĩ lập nên cái danh-dự xứng-đáng, là chỉ tại nơi cái hành-vi có bổ-ích cho nhân quần xã-hội mà thôi. Nếu có bổ-ích cho đời, thì dù một ngày cũng phải cho là có danh-dự, mà nếu không bổ-ích cho đời, thì dù đến mấy trăm năm, cũng phải cho là vô-danh-dự. Tôi xin thuật một chuyện mà tai mắt tôi đã từng nghe thấy: Bữa nọ tôi gặp hai ông tri-huyện, một ông tiền-lị và một ông tiếp-lị, ngồi nói chuyện với nhau. Ông tiền-lị nói: « Tôi trước kia lị huyện này đến hơn mười năm, mà ông mới tiếp-lị có vài năm, tôi là tiền-bối của ông, mà sao ông lại không có lòng

kính-trọng tôi?» Ông tiếp-lị trả lời: «Tôi mới tiếp-lị một năm, nhưng ông thử xem, nào trường học, nào đường-xá, khuếch-trương cho toàn-hạt không biết bao nhiêu công-việc. Còn ông, tôi vẫn nghe hạt dân truyền-tụng: trong mười mấy năm trời, trừ những việc có tư-lợi cho ông, ông mới làm, còn thì ông không làm được một việc gì ích-lợi cho ai cả, thế bảo tôi sùng-bái ông sao được». Ôi! cái lời phúc-đáp của tiếp-lị huyện-quan, nghe cũng vô-lễ! Nhưng nếu quả có sự thực, thì lời ấy cũng cho là rất có lý!

Nay tiên-sinh, sinh ra ở nước Trung-hoa, là một nước thổ-địa rộng hơn mười triệu cây-số vuông, nhân-dân đến 480 triệu người, và là một nước rất xưa trên năm nghìn năm, tức là một nước văn-minh tối-cổ. Sự phát-minh cái kim chỉ-nam do đời vua Hoàng-đế, đã hơn 2690 năm trước tây-lịch kỷ-nguyên, sự ấn-định lịch-pháp do đời vua Nghiêu, đã hơn 2350 năm trước kỷ-nguyên; nếu tiên-sinh mà có lòng khai-hóa cho nhân-quần xã-hội, thì tổ-quốc của tiên-sinh chắc nay đã đứng đầu trên vạn-quốc, không nước nào có thể chắp cánh cao bay cho kịp được, thì ai lại dám chỉ-trích tiên-sinh điều gì nữa. Không ngờ đâu tiên-sinh lại không thế. Nói thật mất lòng, xin tha lỗi cho tôi nói: tiên-sinh chỉ ôm một tấm lòng kiêu-ngạo, tự-phụ mình là Trung-quốc, còn ngoài nữa thì cho là tứ-di cả. Xưa đức Khổng-tử là một vị danh-nhân đệ-nhất trong hàng tiền-bối của tiên-sinh, ngài muốn đi ra ở xứ Cửu-di, là có ý muốn đi khai-hóa cho mọi rợ, cho học-thuật tinh-tình đều được nhất-trí, đến đức Mạnh-tử thì muốn thống-nhất cả các hầu-bang vào trong cái qui-mô của một nước, cho tránh khỏi sự can-qua đánh dẹp; đều là do tấm lòng nhân-đạo mà ra cả; chứ có hề khinh-bỉ man-di nhung-địch chút gì đâu; mà tiên-sinh thì lại khác hẳn, cứ một mạch khinh-thị ngoại-quốc, cho là di-địch; như nước An-Nam chúng tôi đây, cũng dự vào trong một số bị khinh-miệt như là các nước khác. Chắc tiên-sinh cũng còn nhớ rằng, về đời Vĩnh-lạc nhà Minh, Liễu Thăng qua đánh vua Lê Thái-tổ nước tôi, tiên-sinh đã phong cho y một chức «Chinh-di đại-tướng-quân». Ấy không phải khinh-thị nước tôi bằng di-địch là cái gì! Đến khi y bị chặt đầu tại Chi-lăng-quan, thì thiên-hạ mới biết là cái nước di-địch này cũng không đến nỗi mọi-rợ cho lắm. Tiên sinh lại ôm một tấm lòng tư-lợi. Tuy vẫn là theo đạo Khổng Mạnh, mà tâm-lý chẳng khác chi với đạo Dương Chu: Nhổ một cái lông của mình mà có lợi cho thiên-hạ, cũng không chịu làm; đức Khổng-tử là một vị bác-học, chứ có thi đậu gì đâu, mà tiên-sinh lại viện phúc đăng một số ít người, lập ra khoa-cử, nào Minh-kinh, nào Mậu-tài, nào Tiến-sĩ, nào Phó-bảng, cho đến Cử-nhân và Tú-tài, để lập một phường vinh-hoa phú-quí với nhau. Ngoài nữa thì ai sướng, ai cực, ai chết, ai sống, cũng mặc quách ai. Ở đời Đường thì tiên-sinh hẹn với ông Lý Bạch ông Đỗ Phủ mà ngâm vịnh suốt ngày. Ở đời Tống thì hẹn nhau làm sách, như một bộ «*Sách phủ nguyên qui*» đến 1000 quyển; qua đời Thanh thì hẹn nhau cử văn-ban đình-thần mà làm một bộ «*Càn-long kinh giải*»; bao nhiêu người thượng-lưu tri-thức, đều đua nhau làm những công việc vô-dụng như vậy để bước lên con đường vinh-hoa phú-qui với nhau, chứ ngoài ra những môn hóa-học, khí-học, quang-học, trọng-học v. v... chẳng hề có ai phát-minh được một việc gì cả. Ấy

không phải là do một cái tính-chất kiêu-ngạo, do một cái tính chất tự-lợi mà sinh ra đến thế hay sao ! Kể qua nước tôi, tuy bên Trung-hoa mục cho là di-địch, mà lại tự mình thì cũng tự-phụ là văn-hiến, vì Trung-hoa có khoa-mục, bên này cũng có khoa-mục, Trung-hoa ngâm thơ được, bên này cũng ngâm thơ được, không phải văn-hiến là cái gì ! Nhưng xét cái nội-dung thì cũng chẳng qua là văn-hiến cho một số người rất ít. Về triều Lê, định lệ, mỗi một ông Trạng-nguyên, được cấp dân hầu 55 tên, mỗi một ông Bảng-nhỡn, được cấp 50 tên, mỗi một ông Thám-hoa, được cấp 45 tên, mỗi một ông Hoàng-giáp được cấp 40 tên, mỗi ông Tiến-sĩ được cấp 35 tên, như thế thì trong một khoa hội-thí, nếu thêm được độ 30 ông khoa-giáp, thì bên kia lại phải thêm đến trên một ngàn người nô-lệ. Còn đến bây giờ, độ vài mươi năm về trước, tôi đã từng du-lịch nhiều nơi văn-hiến, tức là những chỗ có nhiều văn-học phát-đạt, cứ giao-du với hạng văn-nhân, thì quả là thơ tài phú giỏi, văn hay chữ tốt, nhưng xét kỹ thì mỗi làng chỉ được vài ba họ, mỗi họ chỉ được trên mười người là cùng, chứ ngoài ra những người « không biết chữ nhất là một », lại còn đến mấy trăm người mà kể. Đó là mới kể những nơi văn-hiến mà còn tệ như thế, chứ nếu kể những nơi không phải văn-hiến, cho đến các hương-thôn về miệt sơn-cùng thủy-tận nữa, thì số người « bất-thức-tự » lại không biết bao nhiêu mà kể nữa. Nay nếu làm một tờ biểu thống-kê kể về số người trong nước tôi « biết chữ Hán » của tiên-sinh, theo số trung-bình, thì cứ mỗi 100 người e chỉ được 10 người biết chữ là cùng (10%). Như vậy thì có đáng thương hại cho người Nam của chúng tôi hay không ?

Xưa thầy Tăng-Tây chê ông Quản-Trọng, có nói rằng : « Ông này được vua yêu như thế, hành-chính lâu năm như thế, mà công-trạng thấp-thỏi lại như thế », nay tiên-sinh qua Nam đã đến hơn 17 thế-kỷ, có phải quá lâu không ? Những chiếc chiếu thượng-tịch đều là những phường khoa-giáp của tiên-sinh chiếm-choán cả, có phải là được nhà vua yêu chuộng hay không ? Thế mà truyền-bá văn-học, chỉ được một số người biết chữ là 10%, có phải là công-trạng rất thấp hay không ? Thế mà tiên-sinh bề ngoài thì giả làm bộ nhường chức cho hậu-tiến, mà bề trong thì cứ ôm một tấm lòng oán-hận, tưởng cũng chẳng khác gì một ông quan nọ, xuất-sĩ hơn ba-mươi năm, giàu có tiền bạc đến mấy trăm vạn, đất ruộng đến mấy ngàn mẫu, đến khi tuổi ngoại thất tuần, chiếu-lệ về hưu, mà còn chưa lấy làm thỏa-nguyện, chỉ những khoe khoang công-trạng của mình và ôm lòng oán trách nhà Hán vụng suy, không nhớ đến công-lao Tô-Vũ ; chứ không biết rằng cái công-lao ấy chỉ là một cái công-lao với gia-đình, đã làm nên được số tiền ức triệu ; chỉ là cái công-lao với lại-thuộc, đã dắt-dìu được mấy lũ tôi đòi mà thôi, chứ có đáng khoe-khoang đáng kể-lể với ai đâu. Như vậy quả là tham-tâm không biết chán.

Còn chúng tôi, nói ra thì chắc tiên-sinh cho là nói láo, nói khoe mình, nên tôi không muốn nói làm chi. Tôi chỉ xin tiên-sinh thử đi du-lịch khắp trong bờ cõi nước Nam này, thử bảo tổng-lý kê khai những người biết chữ của chúng tôi, rồi làm lại một tờ biểu thống-kê, tưởng đoán phỏng có ít chăng cũng được một số 30% mà chớ. Lại còn bên phái nữ-lưu, trước kia đứng vào địa-vị văn-học chỉ truyền lại có hai

cô: Hồ Xuân-Hương, Đoàn Thị-Điểm mà thôi. Nay thử xem có được đến vài trăm cô như hai cô ấy hay không. Lại về phần báo-chí, là một thứ lợi-khí để truyền-bá văn-minh, xin tiên-sinh thử xem tờ « *Đồng-văn nhật-báo* » là một tờ báo viết bằng chữ tiên-sinh xuất-hiện phỏng về năm 1900, lúc ấy số độc-giả được bao nhiêu? Mà nay như những tờ báo chí trong Nam ngoài Bắc đều là tờ báo bằng chữ của chúng tôi, lúc này số độc-giả được bao nhiêu? Có phải là số độc-giả ngày nay nhiều bằng mấy vạn ngày trước hay không? Đó là tôi mới kể từ khi chúng tôi mới ra đời trong năm 1906 cho đến nay, mà học-giới cải-quan đã như thế, chứ từ năm 1934 này trở về sau cho đến mấy ngàn năm, thì hãy còn chưa lượng-định được. Tiên-sinh là một bậc cao-hiền, có tính thông-minh, có tài quan-sát, xin cứ suy trước suy sau, so mình so người thì đủ rõ

Nói thế thì chắc tiên-sinh lại chỉ-trích lại chúng tôi rằng: « Càng lên chóng thì càng lui mau, vẫn biết chửa bao lâu mà được một số người thức-tự rất đông, nhưng cũng chửa bao lâu mà được một số người thất-nghiệp rất đông », thì tôi lại xin trả lời rằng: Số người thất-nghiệp đó là họ tự làm cho họ thất-nghiệp, chứ chúng tôi có can-thiệp gì đâu; cái chủ-nghĩa của chúng tôi là chỉ cốt đào-luyện cả nhân-quần cho ai ai cũng thức-tự, cũng viết chữ được, cũng đọc sách được, hoặc người giỏi nhiều, hoặc người khá hơi, cho khỏi sự kẻ thông người dốt cách nhau một trời một vực mà thôi, chứ chúng tôi nào có muốn ai được bổ ra làm quan, ai phải nằm co đói bụng đâu. Nay vì họ hiểu lầm, họ chỉ khuynh-hướng theo một việc làm quan, hễ bổ quan không được, thì đi cày lấy làm hồ ngươi, làm thợ lấy làm xấu-hổ, đến nỗi phải nằm khoanh mà chịu đói, ấy là cái lỗi tại họ chứ.

Cái văn-tự là cái chi chi? Chẳng qua là vì một cái vũ-trụ rất rộng và cái thời-gian rất dài, người ta không có thể đem các lời nói việc làm mà lưu-hành cho khắp cả vũ-trụ được, nên mới mượn văn-tự làm bức ảnh, để lưu-hành cho khắp đấy thôi; không có thể đem các lời nói, các việc làm mà lưu-truyền cho cả các thời-gian được, nên mới mượn văn-tự làm bộ máy lưu-thanh, để lưu-truyền cho đến hậu-thế đấy thôi. Dù văn-tự của nước nào cũng phải chịu theo một cái công-lệ ấy cả. Nay tiên-sinh là một nhà văn-tự chúng tôi cũng là một nhà văn-tự, tiên-sinh không phải hẹp bụng, muốn hạn-chế cho một số ít người thức-tự, tôi đây cũng chẳng phải có cái lượng rộng muốn mở-mang cho một số nhiều người thức-tự, duy chỉ vì cái qui-thức của tiên-sinh có hơi phiền-tạp, người ta phải học đến bốn năm năm mới hơi khá, còn cái qui-thức của chúng tôi rất đơn-giản, có lẽ đơn-giản hơn cả các thứ văn-tự trên hoàn-cầu, người ta chỉ học trên vài tháng là đã khá nhiều. Nếu đem hai cái văn-tự này mà ví với một bức đồ-họa và một bộ máy lưu-thanh, thì về phần chúng tôi cũng in như bức họa rõ nét, ai ai cũng xem được, như một bộ máy lưu-thanh lớn tiếng, ai ai cũng nghe được; về phần tiên-sinh cũng in như bức họa lu nét, ít người thấy rõ được, như một bộ máy lưu-thanh bé tiếng, ít người nghe rõ được. Xưa kia ông Tề Tuyên-vương có một cái vườn, cấm không cho ai được vào, nên chỉ vườn chỉ rộng bảy-mươi dặm vuông, mà dân đều kêu-ca cho là vườn rộng quá; ông Chất Văn-vương có một cái vườn, mở ra cho

thiên-hạ vào xem, cho nên vườn tuy rộng đến một trăm dặm vuông, mà dân đều kêu rằng vườn hẹp quá ; nay hai món văn-tự của hai chúng ta, e cũng chẳng khác gì như vậy. Nếu do chính-phủ đặt một cái lệ, hạn cho một tỉnh nọ phải có được một vạn người biết chữ Nho, chắc là tổng lý phải kêu nài rằng nhiều quá, không thể nào cho y số ấy được; mà nếu hạn cho tỉnh ấy phải học cho được một vạn người biết chữ quốc-ngữ, thì chắc họ lại kêu rằng ít quá, khó nỗi ép người ta đi học bớt số đi được. Tiên-sinh thử nghĩ xem có phải như thế hay không ?

Lại xin trích một đoạn bình-phẩm của tiên-sinh. Tiên-sinh bình-phẩm một vị nhà Nho là Vương An-Thạch mà cho là một bác đồ gàn, lời này tôi thực không dám hoan-nghênh. Vẫn biết Vương An-Thạch ở đời Tống Thần-tôn, vì muốn thay đổi triều-chính, nên ai nấy đều mục cho là tiểu-nhân, cho là phân-canh thái-sậu, chứ không biết rằng Vương là một người tài-học xuất-nhân, xem hết sách vở của thiên-hạ, khi ra cầm chính-quyền, thì đem hết trinh-tâm nghị-lực mà gánh vác việc đời : Muốn vì sĩ-lưu mà tẩy trừ cho hết hủ-học, thì mới lập ra những tân-kinh tự-thuyết, muốn vì quốc-gia tổ-chức ra sự-nghiệp phú-cường, thì mới đặt ra những phép bảo-mã và bảo-giáp, chứ có điều gì doanh-mưu tư-lợi chút nào đâu. Vương tuy chính là một phái nhà Nho, nhưng Vương đã từng nói rằng : « Muốn tìm cho được văn-chương hữu-dụng, thì phải bỏ cho hết cái văn-chương vô-dụng là những lối văn «*biền-ngẫu* » như thi, phú, tứ-lục v. v.. Câu này tôi thiết-tưởng là một câu lý-thuyết rất đúng mà thiên-cổ chưa hề ai nói đến. Vương chính là một nhà đại văn-học, đại chính-trị, đại kinh-tế, thực quả là một nhà đặc-sắc trong phái nhà Nho tự cổ chí kim, chỉ ngặt vì đồng-thời ấy các tiểu-nhân thì khích-thành, các quân-tử thì giao-hoại. Mà quân-tử đời ấy là ai ? Chính là bọn ông Tư-Mã Quang và Lã Công-Trứ, đều là một hạng quân-tử ưa nằm bẹp, để thuyết lý xềnh-xoàng và ngâm thơ ngất-ngưởng đấy thôi. Kẻ hay nằm thì lại ghét người hay làm việc, công-kích trăm ngả, bài-bác trăm đường, khiến cho cái chính-sách của Vương-công nửa chừng phải phá-hoại, mà không đạt tới nơi mục-đích được. Than ôi ! Một nhân-vật thế kia, mà công-nghiệp hóa ra thế ấy, quả là do thời-thế chưa tạo nổi anh-hùng, dưới ngàn năm ta nên vì người mà xót ruột, mà đau lòng mới phải, sao tiên-sinh lại mục cho Vương là một bác đồ gàn. Thế thì cái học-thuyết của tiên-sinh cũng còn noi theo cái học-thuyết của đời Tống, vô-quái-hồ cái tình-thế nước Trung-hoa của tiên-sinh càng ngày càng thêm ủy-mĩ, e đời nay lại quá hơn đời Tống nữa.

Còn về việc tiên-sinh ủy cho tôi dịch ra quốc-văn mấy bộ sách « *Khâm-định Việt-sử* » và « *Lịch-triều Hiến-chương* » v. v. rồi tiên-sinh lại nói khích tôi rằng, vì chủ-nghĩa kim-tiền nên phải dịch ra nhiều bộ « ái-tình tiểu-thuyết » v. v... Nhưng cái ái-tình này có phải là bày ra tự chúng tôi đâu. Xét kỹ nguyên-nhân, thì đời xưa là do Trịnh, Vệ dâm-phong, mà hiện-thời thì do bọn Từ Trầm-Á là đảng-phái của tiên-sinh bày ra cả. Họ bày ra, họ truyền-bá ra, làm cho người Nam chúng tôi đã in sâu vào trong não, khiến cho chúng tôi dã bao phen bô-hào ngăn-cấm, mà chưa hề thấy một chút hiệu-quả, chứ chúng tôi có lỗi gì về sự ấy đâu ; còn về sự dịch sách thì chúng tôi không phải là con người sợ nhọc mà muốn

đem lời từ-chối. Nhưng xin tiên-sinh thử xem chúng tôi ở đất này, có cái địa-vị xứng-đáng gì không? và có cái trách-nhiệm to lớn gì không? Tiên-sinh là một ông khách quen biết đã lâu năm, chắc tiên-sinh cũng đã thừa biết cái tâm-lý người Nam-Việt ra thế nào rồi. Mà nói rõ ra thì chính là một cái tâm-lý hay ưa vật-lạ: cam xã Đoài ngọt khắt, mỗi quả chỉ bán một xu thì không ăn, mà chỉ ưa ăn cam Tàu mỗi quả đến một hào, hàng La-khê mỗi áo chỉ độ ba bốn đồng thì không mặc, mà chỉ ưa mặc hàng Thượng-hải mỗi áo đến trên mười đồng. Xin nhắc một việc đáng buồn cười là: một làng Giáp kia nam thanh nữ tú, tố vẻ hơn người, thế mà những con trai nhà thế-gia chỉ đua nhau đi lấy vợ làng khác, dù trong làng có đẻ ra Tây-Thi, Trịnh Đàn, cũng không ai thèm ngó lại, khiến cho những khi trong làng có mở hội tế thần cúng Phật, thì những bà ngồi trên thượng-tọa, đều là người ở các lân-hương cưới về cả, còn đàn-bà chính-quán thì chỉ lãnh được các việc bưng mâm rót nước mà thôi. Nói một việc này, có thể suy ra việc khác, cái địa-vị của chúng tôi, cái trách-nhiệm của chúng tôi e rằng rồi đây cũng chẳng khác chi quả cam ở xã Đoài, tấm hàng ở La-khê, cũng chẳng khác chi bọn nữ-lưu ở làng Giáp. Ở đời trước thì chỉ được năm ba câu phong-dao: « Ru em em ngủ cho rồi, để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu », chớ còn đến những văn-chương thi-cử ở triều-đình, thì lại bị bọn tiên-sinh chiếm mất. Ở đời nay thì chỉ làm được ít cái thư thăm bạn, ít tờ trình trình quan, chứ đến như các chúc-từ trong khi đại-hội (trừ khi có các quan người Pháp dự hội thì không kể), dư nữa cũng bị một vị Pháp-văn tiên-sinh chiếm mất. Mà đáng lạ thay! là trong khi kỵ chạp, khấn vái ông bà, nếu khấn bằng tiếng bản-xứ thì ông bà dễ hiểu lắm, thế mà họ chỉ khấn cho được mấy chữ: «Cung duy tiên-tổ... phục duy thượng hưởng» v. v.. Trong khi gặp nhau giữa đường nếu chào hỏi bằng tiếng Nam thì người nghe rất dễ, thế mà họ chỉ dùng cho được những tiếng « *Bonjour monsieur* » hay là « *Vous êtes toujours bien porté* », v. v.; xem như thế thì chúng tôi còn có cái địa-vị xứng-đáng gì nữa không? Có cái chức-trách to lớn gì nữa không? Hai cái ấy mà đã thiếu hết cả hai, thì còn lấy gì mà dịch được sách nọ và sách kia? Mà nếu có dịch được đi nữa, thì người nước cũng xem khinh xem thường, chứ có ai quí-giá gì đâu.

Tôi lại thiết-tưởng như tôi sinh ra ở nước Việt-Nam này, chính là một người thổ-trước, cũng tức là một vị chủ-nhân-ông, còn như tiên-sinh với Pháp-tự tiên-sinh có tài-giỏi đến thế nào đi nữa, cũng chỉ là khách-vị mà thôi. Nói cho đúng ra thì quốc-dân phải cho tôi một cái địa-vị rất xứng-đáng và một cái trách-nhiệm rất to lớn, nghĩa là phải cho tôi làm một chức chủ-tọa, ngồi xen vào khoảng giữa hai tiên-sinh mới phải; nhưng trong buổi tân-cựu giao-đại này thì lại phải rước cho tôi hai vị cố-vấn: Tiên-sinh là một, và thêm một vị Pháp-tự tiên-sinh nữa; phần tôi xin ngồi vào một ngôi chủ-tịch, còn hai tiên-sinh thì ngồi vào khách-vị; tôi thì đứng về phương-diện phổ-thông, hai tiên-sinh thì đứng vào phương-diện chuyên-môn; khi dịch sách thì tiên-sinh đứng về phần khảo-cổ để dịch những bản sách Tàu sách Nam nào có giá-trị, còn Pháp-văn tiên-sinh thì đứng về phần khai-trí để dịch những sách cách-trí, toán-pháp và địa-dư của người Tây. Khi ở trường học,

thì tôi xin lĩnh dạy cả các môn toán-pháp, địa-dư và cách-trí, lịch-sử, v. v., còn phần tiên-sinh thì chuyên dạy một môn Hán-văn của người Tàu, phần Pháp-tự tiên-sinh thì chuyên dạy Pháp-thoại của người Pháp. Nhưng hai trường chuyên-môn này xin phải lập tại ba nơi là Huế, Hà-nội và Sài-gòn, mỗi nơi đều phải lập ra hai sở, đều gọi là trường chuyên-môn, ai muốn học hay không đều tùy ý ; duy về phần tôi thì ở ba nơi ấy cũng lập ra ba trường Cao-đẳng, còn ở các tỉnh, phủ, huyện, xã thôn, nơi nào cũng phải cho có một trường, trẻ con, thì bất ai nấy đều phải đi học, ít ra là đọc sách được, viết chữ được, mới cho thôi học. Còn về các khoản văn-tự thù-ứng, thì tiên-sinh chỉ lãnh lấy một đôi câu-đối điếu hạ, và các sắc thần ; phần Pháp-tự tiên-sinh thì chỉ lãnh mấy bài điếu-văn, chúc-từ trong khi có cả quan Tây và quan Nam đều dự ; còn dư những tờ tư báo, bẩm, sức, tấu sớ thư-tín vãng lai cho đến các chúc-từ, hiếu-văn trong khi người Nam hội-họp, thì xin do một mình tôi tự gánh cả.

Duy có một điều là mấy điều sở-đoản của tôi, như lời tôi đã kể trên kia, thì tôi quyết kêu nài xin do chính-phủ sửa đổi lại thế nào cho được tận-thiện. Dù sách vở trứ-thuật lâu nay có lỡ ra cũng chẳng bao nhiêu mà phải quan-ngại. Cái sự sửa đổi đó tôi đã dự-trù (1) cả rồi, đợi khi nào quốc-dân có hỏi đến nơi, thì tôi xin đem ra để cống-hiến.

Thiết-tưởng như mấy điều của chúng tôi thiển-nghĩ đã kể trên, mà nếu tiên-sinh có bằng lòng cho được, thì tiên-sinh tuy có về hưu, nhưng cũng còn giữ được một cái chức cố-vấn, không phải cốt lấy cái chức ấy để ăn lương, chỉ cốt cho cái sở-học của tiên-sinh hãy còn thi-thố được đến lâu đời, cho khỏi đến nỗi « thúc chi cao các ». Bao nhiêu lời thô-thiển, xin tiên-sinh lượng-thứ cho.

A-B-tiện-sĩ kính-phúc,

BẠCH-TRAI

---

(1) Về vấn-đề cải-cách lối viết chữ quốc-ngữ này, cũng đã nhiều nhà bàn đến, chẳng hay tiên-sinh dự-trù như thế nào, cũng nên bày tỏ ra cho rộng đường dư-luận.

N.-P.

TA NÊN CẢI-CÁCH LỄ-NGHI THẾ NÀO ? (1)

■

II

3. — Trước khi tống-chung, nên bỏ tục thờ linh-sàng mà thờ linh-cữu

Nay xét ra cái tục đặt linh-sàng thờ vong-hồn trước khi tống-chung, không những đối với lễ-ý đã sai-lầm không có nghĩa, mà chính nó là cái mầm sinh ra bao nhiêu tệ-hại về sự làm ma to đó, giải luận ra sau này :

A) Thế nào là đối với lễ-ý thì sai-lầm không có nghĩa ? — *Phàm thờ cúng đều do cái lòng tưởng nhớ mà đặt bày ra. Tưởng-nhớ thì phải là sau khi người thân đã vắng-khuất hẳn tăm-hơi hình-tích đi rồi, nay quan-tài còn đó thì người thân chưa phải là đã vắng-khuất hẳn. Nghĩa-vụ nhà tang lúc đó, ngoài quan-tài ra chưa kịp nghĩ đến sự bày đặt gì mới phải. Thế mà thế-tục lại bỏ quan-tài trơ-trọng ở gian bên nhà, rồi đặt linh-sàng ở gian giữa, kết vài vuông lụa gọi là « hồn-bạch » để thờ, cỗ bàn kèn trống, diễn ra cái kịch no say náo-nhiệt trong chỗ bi-ai, như thế há không phải là đối với lễ ý thật là sai-lầm không có nghĩa gì cả !*

B) Thế nào là cái mầm sinh ra bao nhiêu tệ-hại về sự làm ma to ? — *Đã chú-trọng vào nơi linh-sàng, coi cái lụa kết hình-nhân như có vong-hồn ở đó, ngày hai bữa cúng cơm coi như người còn sống mà có ăn. Thế là bày sự giả ra làm sự thật, đã tưởng là có thật, thì một vài bữa tiễn-biệt, kẻ làm con, một là vì ngu-thành, hai là vì thể-diện, lòng nào dám ngại tốn-kém. Vì đó trong thời-kỳ ấy bày ra vô-số tế-bái phúng-viếng, cỗ-bàn thù-tạc. Chủ lấy cỗ to cầu khách khen-lao, khách cũng tán đó là việc « báo hiếu » để buộc lòng chủ. Rồi đình-hoãn kỳ tống-chung lại mà ăn uống với nhau cho phỉ-chí. Cho nên trước đây trừ khi nào gặp nhà tang bần-bách quá hay là gặp sự gì khẩn-cấp, thì không dám ma náo một vài ngày mà cất ngay. Để quan-tài lại trong nhà hai ba tháng gọi là « quản ». Quan-tài cứ để trong nhà gọi là « quản-thượng ». Để lâu nửa năm trở lên mà tạm chôn ở ngoài vườn gọi là « quản-hạ ». Quản-hạ có khi là vì không lo kịp mà còn phải trù tiền.*

Quản-thượng nhiều khi không những làm tốn đến hết cả gia-tài mà lại thường bị tai-nạn xảy ra như bị cháy, bị cướp, rất là khốn-đốn.

Thế-tục, đám ma mà đã lấy cỗ to làm báo hiếu, thì ai không có cha mẹ, ai mà không phải « báo hiếu ». Khách lấy lời « báo hiếu » để phỉnh phờ người ta mà ăn, nhưng khách ăn của người ta một bữa « cỗ báo hiếu », tức là nợ ở đời một bữa « cỗ báo hiếu » rồi. Ấy cái nợ miệng báo-hiếu bằng cỗ-bàn ở thôn-quê nó làm tai-hại cho người tây làm

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 200.

đổi-bại cho phong-tục lễ-nghĩa là do ở sự giả-dối thờ hồn bạch và cúng cơm ấy mà ra cả.

Nay muốn cho hợp với lễ-nghĩa văn-minh mà bỏ đi được cái mầm tệ-hại vì báo-hiếu bằng cỗ bàn, thì không nên đặt linh-sàng thờ vong-hồn trước khi tống-chung, mà chỉ nên kính-thờ có một quan-tài mà thôi.

Như thế thì nhập-liệm rồi, quan-tài phải đặt ở gian giữa nhà.

Trước quan-tài trông ra cửa, bày một cái hương-án, có đèn hương và hoa. Ngày nay do luật-lệ cải-lương, nhà tang chỉ được để ma lại trong nhà 2-3 ngày mà thôi. Thế thì cái hương-án đó là để cho nơi quan-tài thêm tôn-nghiêm trong cái thời-giờ nhà tang xếp đặt việc tống-chung cùng bà con bạn hữu tới viếng thăm đó thôi, không có lễ lạy gì. Nhà tang không phải lễ lạy, thì khách cũng không phải lễ lạy. Đã không lễ lạy thì tự không phải có cỗ-bàn. Không có cỗ-bàn thù-tạc thì khỏi hại mà chỗ nhà tang giữ được thái-độ tĩnh-mịch bi-ai, không ra đám no-say rộn-rịp nữa.

Có người nói: Dù nhà tang không làm cỗ đãi khách, cũng phải cứ bữa làm cơm cho người nhà và họ hàng bạn thiết ở xa đến chờ đưa đám. Song phải biết đó là cơm thường, không có cúng bái. Nhà tang như ở thôn-quê, vẫn phải nhờ nhiều người bà con giúp việc đưa đám và tiếp người ở xa về, nhưng bữa ăn thường trong chỗ thân-tình với nhau mà lại trong lúc buồn-rầu, thì thảo-bàn là đủ, ai còn hạch-xách gì. Thế thì có gì mà tổn-hại.

Trong khi quan-tài còn ở nhà như thế, kẻ tang-chủ phải chầu-chực luôn-luôn ở đó, dù khách là hạng sang giàu đến phúng viếng, cũng không được bỏ quan-tài đó mà ra ngoài thù tiếp khách. Chỉ khi khách vào viếng cữu, bất-luận sang hèn tang-chủ đều phải im lặng và ngả đầu chào khách, thế là đủ lễ.

4.—Tờ cáo-phó và lễ phúng-viếng

Ngày xưa nhà tang cũng có dùng tờ cáo-phó, nhưng chỉ gửi đi cho người họ hàng ở nơi xa mà thôi. Ngày nay theo tục văn-minh, nhà tang gửi tờ cáo-phó cho khắp cả họ-hàng bạn-hữu xa gần cùng biết tin buồn, thế cũng là một thói hậu-tình. Trong tờ cáo-phó phải nói rõ ngày mất và ngày giờ đưa đám để cho mọi người liệu thì-giờ mà về hộ-tang.

Ở gần nghe tin, ở xa tiếp tờ cáo-phó, họ-hàng bạn-hữu đều đến nhà tang thăm hỏi để chia sự đau buồn. Nếu ở xa quá hoặc vì duyên-cớ gì không về được thì gửi giấy và thiếp-danh về chia buồn. Trong tôn-tộc hoặc chỗ thiết-nghĩa với nhau tới thăm di-hài lần cuối cùng, nghĩa là trước khi nhập-quan, thì hơn. Đến thăm không có lễ vật thì là « viếng », có lễ-vật thì là « phúng ». Nay đã không đặt linh-sàng, không có cỗ-bàn lễ lạy, thì lễ phúng cũng không phải như xưa nữa. Không phải mang hương nến, đồ thực-phẩm như trà, rượu, thịt, xôi, bánh, trái nữa. Nhất là như cái tục « lễ đen », nghĩa là để tiền lên làm lễ, ở nhà quê thật là dã-man nên bỏ hẳn. Ở nhà quê khách tới phúng để vào đĩa từ năm hào đến một vài đồng lên hương-án, rồi lạy vài cái ra ăn cỗ. Thế tức là một cách giả tiền cơm mà mượn người chết làm chứng-kiến. Cũng vì giả tiền cơm như thế, nên nhà tang với khách thường lấy số tiền phúng làm lào cho sự cỗ-bàn thù-tạc. Như nhà tang nghèo khó, mà họ thân bạn thiết nghĩa-vụ phải giúp cho nhau để chi dùng về việc tống-chung, thì đưa

ngâm cho nhau, chứ sao lại đặt lên để lễ lạy, thật vô-nghĩa.

Vậy lễ phúng từ nay, tưởng chỉ có hai thứ sau này gọi là tỏ chút lòng kính mến người chết một cách văn-nhã mà thôi, là phúng hoa và phúng chữ. Hoa thì lấy hoa tươi làm quí. Cúng người chết bằng gì thì cũng là sự giả dối cả. Nhưng lễ cúng hoa nó tỏ ra cái tâm-lý thanh-cao, lịch-sự, không thô-bỉ, tham-lam khốn-khổ, chết còn ham tiền bạc như cái tâm-lý đem vàng hồ tiền mã cúng người chết.

Chữ thì có hai cách dùng, đều viết vào vải lụa như cách trướng đối cũ. Một là cách phổ-thông, cách này ai dùng và dùng để phúng bậc người nào cũng được. Cách này người đi phúng không tự làm ra câu đối hay là lối văn gì, mà cũng không cần mượn ai làm hộ. Chỉ dùng cách chân-tình là giữa bức trướng để rõ ngay rằng : « Kính-viếng trước linh-cữu ông (bà) Mồ », (chính tên họ với một cái chức có sự-nghiệp công-ích gì, dù còn nhiều chức-tước khác mặc lòng). Còn một bên để năm tháng, một bên để tên người phúng mà đừng để chức tước, vì để là vô-lễ.

Một là cách đặc-biệt. Cách này chỉ kẻ văn-nhân dùng đối với người chết nào mà mình có chút tâm-tình muốn thổ-lộ. Lời viết dùng lối tự-do, từ một câu trở lên đến một bài, là văn vần hay là văn xuôi cũng được. Miễn là mình muốn nói gì thì viết, viết để tỏ lòng, thành lời thì thôi, không cần điển cố gì. Nhưng phải của mình nghĩ ra, chứ không nên mượn. Vì mượn là giả dối. Hay là mình tuy là văn-nhân, nhưng có chỗ không tiện cũng không nên dùng cách đặc-biệt này, mà chỉ nên dùng cách phổ-thông trên kia cũng được.

Lễ phúng bằng chữ này tưởng chỉ nên dùng cho chỗ tình bè bạn nghĩa-thiết mà thôi. Còn con cháu mà cũng làm đối-trướng để tán-dương ân-tình của ông bà cha mẹ thì thực là vô-nghĩa-lý. Vì rằng đối với công-đức ân-tình của đấng thân, biết nói sao cho xiết. Thế mà đang lúc nhà tang bối-rối, con cháu muốn lấy vài chữ « sáo » để phô hiếu-niệm với người đời, đã là việc rất kiêu-ngạo tự-đắc, hiếu nghĩa đầu lưỡi rồi. Phương chi không làm được văn lại đi mượn khóc ma mướn, thì hư-ngụy là dường nào. Vậy từ nay con cháu tuyệt không nên tự làm hay là mượn làm đối-trướng khóc ông bà cha mẹ. Lễ phúng đã chỉnh-biện rồi, hoa hay là chữ cũng được, kẻ đi phúng là ông bà gì mặc lòng, đã có lòng tặng người chết thì hoa hay là bức trướng, kẻ đi phúng phải tự mang vào đặt nơi linh-cữu mới là quí. Người đến viếng cũng như người đến phúng, đều phải đứng bên linh-cữu một cách cẩn-nghiêm im lặng tỏ lòng thương tiếc, xá vái hoặc ngả đầu chào mà lui ra. Không nên để phiền cho tang-chủ phải thù-tiếp nói lời cám ơn-huệ gì, vì mình đến phúng viếng là làm nghĩa-vụ đối với người chết hay là để chia buồn với người sống, há còn muốn lấy ơn mà bắt người ta phải thù-tạc mình lúc đó ư ? Vậy người nhà tang có mời tam nghỉ, thì khách cũng chỉ ăn trầu uống nước, chuyện trò qua-loa mà lui ra ngay, tuyệt không nên ăn uống cỗ bàn gì ở nhà tang. Cũng không nên nhận phần xôi thịt giầu cau gì của nhà tang biếu nữa.

5.— Tòng-chung hay là đưa đám

Do cái tâm-lý « báo-hiếu bằng cách sĩ-diện », nên lúc đưa đám người ta lại càng hết sức trang-hoàng lòe vui

cho đẹp. Nhất là ở Hà-nội, tục đưa đám các nhà giàu lại càng xa-hoa phiền-nào gấp mấy mươi ở thôn-quê. Mỗi cái đám ma nhà giàu đi dài hàng cây số không hết đồ hành-trang, làm ngăn trở cả hành-khách, mà xem ngoài cái xe hay bộ đòn đưa cữu ra đều là những khí-cụ lố-lăng vô-nghĩa cả: Nào một mớ trướng đối bằng vóc đoạn rất xa-xỉ, phô ra đầy những chữ của bọn « khóc ma mướn » chẳng thành nghĩa-lý gì. Nào những thằng phu ốm-o xanh-xao đeo những cái áo nẹp trắng, dấu hiệu nhà binh xưa, để giả làm lính mà mang nghi-vệ: lẵng-la đồng, lọ lộc-bình sứ v. v. Nào những con lợn quay, xôi, bánh trái mang đi để hứng lấy bụi bẩn và vi-trùng. Một lũ bà vãi đội cầu trông rất quê-kệch nhà vô-nghĩa, cầu sông nào mà lại đem đi ở đó, sao không để các bà ấy đi không mà niệm Phật nó còn có lý hơn không? Lại còn các thứ cờ lọng, các thứ âm-nhạc, các thứ long-đình rước mền đay, bằng, sắc, lại cái minh-tinh dài thê-thê để vô-số chức-hàm. Tóm lại thuần là những cái để khoe-khoang phú-quí hay là thèm khát hư-danh cả mà thôi. Đám ma ở thành phố không ăn cỗ là vì nhà chật, nhưng phần thịt bánh đem biếu để thay cho cỗ thì cũng vẫn còn phiền. Người Nhật-bản làm sách Vạn-quốc-sử, cười tục « làm ma to » của ta là: « Nhà tang mở tiệc ăn mừng hàng mười-hai ngày rất là xa-xỉ ». Ôi, nhà tang mà mở tiệc mừng, há không phải là một tục dã-man trái với hết thảy ý-nghĩa của lễ-văn loài người dư. Ấy thế mà chính nơi thủ đô không biết cải-cách, lại ngày càng xa-hoa lố-lăng thêm, thì còn nói gì được chỗ thôn-quê.

Vậy đối với lễ tống-chung, ngoài cái xe hay cỗ đòn đưa cữu ra, có muốn mang thêm cái đồ vật gì cho thêm vẻ tôn-trọng, thì chỉ nên đem những bó hoa, bức chữ của bè-bạn hội - đẳng người ta tặng, một vài cái đồ của tôn-giáo đi tiếp dẫn — với sự chết của người ta, tôi không muốn nói triết-lý — chớ không nên giả-mạo dùng những cái hành-trang có tính-cách oai-nghi bề-vệ của thế-tục. Và nhất là nhà tang cùng khách đưa đám phải hết sức giữ lấy cái thái-độ cẩn nghiêm im-lặng từ thủy chí chung mới là thực có lòng kính nhớ người chết.

Ngày nay trong đám ma người Việt-Nam, cũng có theo lễ tang văn-minh đọc điếu-văn trước khi hạ-huyệt để truy-niệm sự-nghiệp của người chết. Nhưng tưởng phải là những sự-nghiệp đối với đoàn-thể, hội-xã, quốc-gia mà là những cái có hiển-nhiên đáng nhớ thực thì điếu-văn ấy mới có giá-trị.

6. — Phần-mộ

Phần-mộ là nơi để di-hài của tiền-nhân, há nên khinh-suất. Nếu táng ở trong những nơi nghĩa-trang thì chỗ để phần-mộ đã có thứ-tự sẵn. Còn táng ở ngoài đồng rộng: ở đồng hoặc ở ruộng, thì chỗ để phần-mộ nên lấy vào chỗ xa làng mà gần đường cái, nơi cao-ráo cho tiện thăm viếng.

Có hai cách phong-phần là xây lăng và đắp nấm. Nhà nào quyết không cải-cát nữa thì sẽ xây lăng. Xây lăng chỉ cốt xây cho kiên-cố bền vững, mà chỉ nên xây nhỏ vừa khoảng chứ thôi, dù có thế-lực cũng không nên bao chiếm rộng và xây đắp đồ-sộ để tốn mất nhiều đất của xã-hội. Còn nhà nào muốn còn cải-cát thì đắp nấm đất cho kỹ-càng rồi phải có mộ-chí để ghi nhớ khỏi quên.

Tục cải-cát cũng là sự hay, vừa khiến cho hài-cốt sạch-sẽ, vừa thu nhỏ phần-mộ lại để hà-tiện đất của xã-hội.

Cải cát rồi có thể xây lăng được càng hay, bằng không thì lại đắp nấm kỹ-chú cẩn-thận như trước. Sau khi cải-cát, để đâu yên một nơi đó. Trừ gặp tai-biến phải chuyển đi nơi khác không kể, kẻ con hiếu quyết không nên tin lời «phong thủy» lấy nấm xương cha mẹ làm cái mồi cầu phú-quí mà đào bới lên luôn.

7. — Nên truy-niệm chứ không nên cúng cơm, đốt mã

An-táng về rồi, càng thấy trong nhà bỗng vắng mất đấng thân hoặc người bạn thiết, thì lòng càng thương nhớ. Vì đó đặt nơi linh-vị bày bức chân-dung để sớm hôm tỏ chút lòng mến tiếc. Dù kẻ thâm-tình, chí-hiếu mà có tưởng như còn thấy âm-dung của đấng thân, bạn thiết còn phảng-phất, thì đĩa hoa nén hương là đủ biểu-lộ tấc thành, dù ta có tự ý tưởng như người chết mà hồn vẫn không mất đi nữa. Nhưng ta phải biết hồn phỏng có còn cũng không phải là cái giống cũng ăn cũng mặc cũng sinh-hoạt được như ta. Thì ta càng bày vẽ ra đồ cúng-cấp bao nhiêu đều là ta làm việc tự-khi ta bấy nhiêu.

Vậy sau khi an-táng rồi, những lễ như: Cúng cơm hằng ngày, ba ngày: phục-hồn, tiễn thần-trùng; trăm ngày: thôi cúng cơm, đốt mã mới mã cũ, đều là giả-dối vô nghĩa và dại-dột, đều nên bỏ cả.

Nhà ký-giả đây không đốt vàng-giấy đã lâu đời mà chính ký-giả không đốt mã cho gia-tỉ hồi bà mới tạ-thế 20 năm trước.

Xét cái gốc của cái quan-niệm về lễ cúng bằng đồ ăn thức mặc và tiền bạc cho người chết, là do ở cái lòng muốn báo đáp đấng thân mà ra. Nhưng mà là lầm, không những là cách báo-đáp giả-dối mà lại là cái ý-nghĩ coi khinh người chết là vẫn còn ham chuộng đủ mọi cái danh lợi, bô-suyết, qui vệ của thế-tục, mà không tự mưu lấy được, lại phải nhờ ở người sống cung-cấp cho. Song thực là oan cho thần-hồn, chẳng qua bọn người sống lấy ý mình suy ra đó thôi. Vậy ai người thức-giả nên mạnh bạo đổi-bỏ hủ-tục ngay từ trong nhà mình.

(Còn nữa)

ĐỖ-NAM

BÚT THANH-NIÊN

Bản-chí từ khi đổi Chủ-bút, nhiều bạn thanh niên gửi bài vở về cho ông Nguyễn Tiến Lãng, vậy nên bản-chí chủ-bút xin vui lòng mở ra mục này đăng những bài văn có giá-trị hơn hết chọn ở trong các bài của bạn thanh-niên gửi đến.

Kỳ này xin giới-thiệu ba bài đoản-bình của ông Tràng-Kiều Lê Tài-Phùng, hiện chủ-trương tờ xuất-bản « Vị-giang văn-khố » ở Nam-định, góp mặt trong làng văn thanh-niên chưa mấy chốc, nhưng Lê-quân hiện nay có lẽ đã là một nhân-vật ở Nam-thành mà sau này sẽ có thể là một nhân-vật trong làng văn Bắc-Hà, nếu vẫn gắng công đọc và viết, và theo đuổi sự khúc-triết trong câu văn và trong tư-tưởng.

Nam-Phong

*
* *

Lãng-mạn

Có kẻ bảo rằng người Việt-Nam ta nghèo cảm-tình, và không có một chút tinh-thần lãng-mạn nào. Nhưng ta đọc những văn của Chu Mạnh-Trinh, những ca của Nguyễn Công-Trứ, những thơ của Nguyễn Khắc-Hiếu, thì chẳng lãng-mạn đó ư? Nhưng nếu lẫn lãng-mạn (*romantisme*) với chủ-nghĩa cá nhân (*individualisme*) thì có thể nói rằng: chịu cái đạo-thống của Khổng, Mạnh, người Việt-Nam ta không có biết tới cái chủ-nghĩa cá-nhân bao giờ. Văn-học thì thiên về chủ quan, nghĩa là nặng về tâm và nhẹ về trí, chú-trọng về đạo-đức, từ-chương mà chểnh-mảng về thực-nghiệm, khoa-học. Mà mới tự trong vòng 30 năm nay, cái « bản ngã » (*le moi*) mới thấy phát-hiện trong văn-học một cách rất rõ ràng.

Hàng ngày trên mặt báo, hoặc trong những sách xuất-bản, ta thấy thanh-niên ngày nay tự-do giãi bày cái tâm-tình riêng, phô bày những sự mong sợ, đau, thương, những nỗi yêu, ghét riêng của từng nhà cầm bút đó. Vì quen sống ở những nơi thành-thị phồn hoa nên chế độ gia-đình không biết nữa, cái thế-lực của gia-tộc và quê-hương đối với những người ấy sẽ bị cái cá-nhân chủ-nghĩa đánh đổ. Ai nấy đều giác-ngộ mà hiểu rằng mình có *cá-tính* (*personnalité*) nên đều thấy phóng-túng, tự-do, hành-động lắm sự táo-bạo, ngang-tàng.

Không nên chê những người đó, ngày nay, cái đạo-đức hẹp hòi, cái luận-lý hà-khắc của gia-đình, mấy người còn chịu đời này là đời *lãng-mạn* chăng?

Đời lãng-mạn, người lãng-mạn. Rồi tất những người lãng-mạn sẽ lần lần đem cái tâm-hồn đa-cảm, đa sầu trước kia còn để vào những cảnh hoa tàn, lá rụng, trăng khuất, sương mù, nhưng rồi sau sẽ biết rung động vì « *những điều trông thấy* » trong cái xã-hội đầy những sự bất-bình, mùi khổ-thống kia sẽ tạo ra những văn những thơ lãng-mạn. Quang-cảnh văn-học ta, vì thế sẽ có phần khởi-sắc.

Đạo Thánh và người trần

Sau một độ hết sức mạt-sát Thánh-đạo, dân Tàu ngày nay lại quay lại sùng-bái đức Khổng-tử.

Mới đây có tin các báo đăng rằng ủy-ban Trung-ương chấp giám đã duyệt-y chương-trình nghi-lễ kỷ-niệm Khổng-tử vào ngày thánh-đản, vừa viết cho quốc-phủ để thông-sức cho toàn-quốc phải tuân-hành. Lại ra lệnh cho bộ Giáo-dục phải soạn những bài hát kỷ-niệm đức Thánh. Họ thực đã hối. Còn ở ta ?

Gần đây, trong mấy năm dòng, ở xứ ta cũng nổi lên cái phong-trào, tuy nó không được mạnh-mẽ cực-lực như ở Trung-Hoa hồi nào, — nhưng, bài-xích Khổng-giáo cũng khiếp lắm.

Thật tội-nghiệp cho thánh-đạo và oan cho Khổng-tử quá. Như vậy, vì bọn bài-xích đó không có óc phẩm-bình đứng đắn, không biết xem xét cái mục-đích của ngài, và cái hoàn-cảnh của ngài, chưa chi đã ruồng rẫy một nền giáo-lý mà đã bao nhiêu triệu người theo trong bao nhiêu thế-kỷ.

Phải hiểu, Khổng-tử là một nhà chính-trị, mà nhà cách-mệnh ấy chứ, nhưng sinh nhầm thời buổi mà tuyệt-nhiên không đâu có gia-tâm, dân thì dại dột, vua quan thì tinh quái, ai nấy mặc xác xã-hội muốn đi thế nào thì đi, nên căn-cứ vào trình-độ quốc-dân, ngài lập nên giáo-lý đó : Khổng-giáo chỉ là một thủ-đoạn của ngài để đối-phó lúc bấy giờ, vả ngài cũng hiểu không giáo-lý nào chống lại được với thời-gian, chả thế sao ngài lại dùng chữ « *dịch* » làm triết-lý.

Đời mới, ta theo mới, giáo-lý của ngài cũng như vạn-vật trong vũ-trụ, bao giờ cũng không chịu cái lẽ biến-thiên vô-tận, nay không thích-hợp với ta về một vài phương-diện. Thì, chính ngài cũng vẫn khuyên ta hiểu biết nhẽ *dịch* mà sửa đổi đạo ngài cho hợp với những điều cần-thiết của đời khoa-học sinh-hoạt. Vậy, hiểu rõ ra, ngài thực đáng ta phục, đáng ta kính thờ.

Chỉ có một số ít tây-học dở-dang, không biết rõ Khổng-giáo mới mạt-sát Khổng giáo. Bậy quá !

Ta nên tránh những cái *bã* Khổng-giáo nó đã vì bọn đê hèn Tống-nho mà sinh ra, hoặc tự-do vạch lấy một con đường để hợp với « *cuộc đời mới* » ngày nay, chớ Khổng-tử có gì mà ta mạt-sát.

Một cuộc phân lìa trong xã-hội

Ông Emile Faguet ngồi tưởng-tượng cái bộ máy trí-thức của Âu-châu vào khoảng năm 1950 mà quyết nói bạo được những câu sau này :

« Một số phần ít những kẻ trí-thức với số rất nhiều công-chúng tất sẽ phân lìa nhau hẳn. Trên thời có giảm ba quyển sách rất có tư-tưởng, rất có giá-trị, rất có văn-chương, mà rất ít người

đọc, người mua, chỉ để cung dụng cho một hạng văn-sĩ cùng bác-học, công-chúng không biết đến, mà cũng không từng phẳng-phất tới hay tiêm-nhiễm xa nữa, vì cái hạng trung-gian làm môi-giới đã mất đi rồi, rồi tậu dưới xa thì có tờ báo của bình-dân, nghị-luận kịch-liệt về chính trị, và thứ nhất là sinh công kích nhau, bởi lòng tìm vết nhau, báo làm cơ-quan cho một đảng lớn, hoặc thường khi chỉ làm cơ-quan cho cái lòng đố tật của công-chúng, báo để phản-đối cái gì *journal anti-quelque chose*) hay báo để xem chơi, để truyền tin vặt »

Đó, muốn biết lời nói của ông EMILE FAGUET có đúng không, ta phải chờ đến năm 1950 mới biết. Nhưng ở xã hội ta ngày nay, cái bộ máy tri-thức Việt-Nam quả hệt như thế.

Một loại sách như Nho giáo của ông TRẦN TRỌNG-KIM bán không đắt, mà những tiểu-thuyết ngôn-tình, trinh-thám quảng-siên thì bao nhiêu cũng hết. Các báo thì cái nọ công-kích cái kia một cách vô-lý, nói xấu nhau. Hình như xã-hội Việt-Nam ngày nay là cái xã-hội những người Âu-tây năm 1950 sắp tới. Nếu vậy thì dân ta chẳng là tiến hơn họ mà đi trước họ những ngót 20 năm kia sao? Phải, nhưng chỉ có tiến về điều dở.

Đành vậy, nhưng nếu theo lạc-quan mà xét thì những đọc-giả đã thấy ham đọc báo, sách lắm rồi, một ngày kia, họ biết chán cái nhảm mà theo cái hay thì tự-nhiên bộ máy tri-thức phải đổi lại mà chạy tốt.

LÊ TRÀNG KIỀU

CUỘC TIẾN-HÓA CỦA DÂN-TỘC VIỆT-NAM (1)

■

II

V. — Thời-kỳ Âu-hóa

a) Thời-kỳ Âu-hóa này bắt đầu từ khi người Pháp sang lấy sáu tỉnh Nam-kỳ làm thuộc-địa và lập cuộc bảo-hộ ở Trung Bắc kỳ, nghĩa là từ hậu bán-thế-kỷ thứ 19 đến nay. Trong vòng hơn nửa thế-kỷ nay, cuộc tiến-hóa của dân-tộc Việt-Nam vì chịu ảnh-hưởng của văn-hóa Tây-phương nên lại xoay về một con đường khác.

Trước hết ta nên biết rằng cuộc Âu-hóa này có thể bắt đầu sớm hơn, từ đầu thế-kỷ thứ 19, nghĩa là từ lúc đức Gia-long nhờ có người Pháp giúp mà khôi-phục lại cơ-nghiệp, và đem ba xứ đặt ở dưới quyền nhất-thống của Hoàng-triều. Nhưng lúc đầu vì gặp một cái phản động-lực ở ngay chốn triều-đình, nên tuy có người hiểu thời-thế muốn đem cái mầm-mống văn-minh Tây-phương rắc vào đất Nam-Việt mà không làm được. Nếu những biểu-chương của các ông Phan Thanh-Giản Nguyễn Trường Tộ mà được nhà vua y-chuẩn, và được các quan hết sức tán-thành thì cuộc Âu-hóa của ta còn có phần nhanh hơn một chút.

b) Vì sao lại có cái phản-động-lực ấy? Vì các nhà giữ quyền-chính bấy giờ đã tiêm-nhiễm cái văn-hóa Trung-quốc một cách quá sâu, nên yên trí rằng ngoài cái văn-minh Thiên-triều ra không còn một cái văn-minh nào có thể sánh kịp nữa. Rồi sinh lòng tự-cao tự-đại, cũng bắt chước người Tàu mà coi người khác giống là man-di, chỉ muốn thi-hành cái chính-sách bế-quan tỏa-cảng chớ không muốn giao thiệp với nước ngoài. Cái phản-động-lực ấy trước còn do các quan trong triều-đình gây lên, sau lại có các nhà văn-thân hoặc vì lòng ái-quốc, hoặc vì chữ lợi-quyền mà phụ giúp thêm vào. Mãi đến khi nghe tiếng súng nổ vang ở trận Nhật-Hoa và Nga-Nhật mới tỉnh giấc mơ-màng, hiểu rằng mình kém người hơn, phải biết tùy-thời mà thay đổi thì mới mong sống còn được. Ấy vì thế nên tuy người Âu cùng ta giao-dịch từ thế-kỷ thứ 17 mà mãi đến đầu thế-kỷ thứ 20 ta mới vui lòng đón cái phong-trào Âu-hóa.

c) Nhưng vì sự Đông-Tây giao-tiếp không đều, nên có nơi được chịu cái ảnh-hưởng văn-minh Âu-châu nhiều, mà có chỗ thì cái ảnh-hưởng ấy hãy còn thưa thớt, như Nam-kỳ được người Pháp cai-trị đã lâu nên cuộc tiến-hóa có mau chóng hơn là ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ. Mà ngay ở Trung-Bắc-kỳ thì ở các thành-phố lớn và các hải-cảng sự cải-cách theo Âu-châu lại nhiều hơn là ở các nơi hương-thôn hẻo lánh.

Nay ta hãy lấy cái trí quan-sát xem trong cuộc Âu-hóa ngót nửa thế-kỷ nay kết-quả có những gì ?

---

(1) *Diễn-thuyết ở hội Tri-tri Nam-định ngày 11 Août 1934. Tiếp N. P. số 205.*

d) Về phương-diện vật-chất thì ta phải công-nhận là cách sinh-hoạt của người mình ngày nay, nhất là ở chốn thị-thành, có cái vẻ náo-nhiệt sầm-uất hơn xưa nhiều. Trước kia các cụ tìm một cuộc đời tĩnh-mịch êm-ái, chỉ cầu cho được an-nhàn, nay thì ta muốn có một cái đời một ngày một thêm sung-sướng, không những muốn cho được thỏa những sự nhu-yếu vẫn có từ xưa, lại còn gây thêm lắm sự nhu-yếu mới về vật-chất và tinh-thần nữa. Vì muốn có cửa cao nhà rộng, vì muốn được ăn trắng mặc trơn, vì muốn được lên xe xuống ngựa, vì muốn nay đi tắm bể Đồ-sơn, mai đi nghỉ mát Tam-đảo, mà phải bỏ cái đời êm-ái dịp-dàng, xô ra tranh-cạnh cùng người trên trường kinh-tế. Canh-nông vì thế mà tiến-bộ, thương-mại vì thế mà mở-mang, công-nghệ vì thế mà phát-đạt, đó là một cái kết-quả đáng mừng của cuộc Âu-hóa trong xứ ta về đường vật-chất vậy.

e) Còn về đường tinh-thần thì sao ? Về phương-diện này ta phải công-nhận rằng vì hai cái văn-hóa Đông-Tây gặp nhau ở trên cõi đất Việt-Nam, nên người mình đã phải qua một thời-kỳ khủng-hoảng, chẳng khác chi chiếc thuyền đứng giữa hai dòng nước mạnh gặp nhau, cứ chịu lênh-đênh trên sóng không biết theo con đường nào cho khỏi nguy-nan. Cũng may mà cuộc khủng-hoảng về tinh-thần ấy không lâu, vì ta nhờ có người chỉ dẫn mà biết ngay phương-hướng nên theo.

Ngày nay vì hấp-thụ được những cái tư-tưởng Âu-châu mà phần đông người mình có một cái tinh-thần mới ; đối với nhiều vấn-đề có những cái quan-niệm khác hẳn những quan-niệm của tiền-nhân.

f) Trước hết ta nhận ra rằng hiện nay thiếu-niên phần đông có cái xu-hướng theo cái cá-nhân chủ-nghĩa, lấy bản-thân làm đích, làm trung-tâm cho mọi việc hành-động của mình, cái thân ấy không muốn cho nó phụ-thuộc vào gia-đình, không muốn cho nó bị bó-buộc vì một lẽ gì, chỉ muốn tìm cách làm cho phát-triển hết cả bản-năng để cho được tận-hưởng mọi sự khoái-lạc ở đời. Vì thế mà cái quan-niệm về hôn-nhân cũng đổi khác ; trước kia việc hôn-nhân căn-cứ vào gia-tộc, vào nòi-giống, ngày nay việc hôn-nhân phần nhiều do ái-tình hay tư-lợi gây nên. Lại có người vì theo cái chủ-nghĩa cá-nhân ma muốn tránh cả việc hôn-thú sợ sau này bị giàng-buộc trong cái giới-hạn gia-đình, nên đành theo cái chủ-nghĩa độc-thân cho được tự-do sinh-hoạt.

g) Cái chủ-nghĩa cá-nhân ấy lại còn làm thay đổi cái quan-niệm cũ về gia-đình. Cái gia-đình cũ là gồm cả ông bà, cha mẹ, anh em, con cháu, ăn chung ở lộn sống trong một cái cảnh sum-họp vui-vầy tương-bảo tương-trợ, lá lành đùm lá rách, kẻ có đỡ người không, kể cũng có cái hay cái lợi, nhưng lắm khi vì cái chế-độ ấy mà làm tiêu-ma cả cái chí tiến-thủ, cái lòng mạo-hiểm của người tài giỏi, hoặc sinh ra cái tính lười-biếng, cái tính ỷ-lại của kẻ hủ-hèn. Vì lẽ đó mà ngày nay cái chế-độ đại-gia-đình sẽ dần dần để chỗ cho cái chế-độ tiểu-gia-đình là cái gia-đình chỉ có vợ chồng con cái mà thôi.

h) Đối với quốc-gia, cái tư-tưởng của người mình ngày nay cũng khác. Ta đã hiểu rằng nước là của chung, vậy việc nước là một cái nghĩa-vụ chung cho cả mọi người, vì thế mà ta không có cái thái-độ thờ-ơ lãnh-đạm :

Thành-đồ đã có vua xây,
Việc gì gái góa lo ngày lo đêm,

như phần nhiều các cụ khi xưa.

i) Về các giai-cấp trong xã hội, ta cũng biết tôn-trọng những bậc học-thức tài-năng như các cụ đời trước, nhưng phần đông ta đã bỏ được cái thành-kiến coi hạng sĩ là đáng sùng-bái hơn hết cả tứ-dân? Ta đã hiểu rằng: trong cách sinh-hoạt phải có trăm nghiệp nghìn nghề, mà nghề-nghiệp nào cũng đáng quí đáng trọng, vì đều là có ích cho đoàn-thể cả. Dù làm nghề bằng óc, dù làm nghề bằng tay, hễ hết lòng cùng nghề-nghiệp đều là đáng tôn-trọng, chỉ những hạng vô-nghệ ăn nhờ xã-hội mới đáng khinh thôi. Vì có cái quan-niệm ấy mà ngày nay trong hạng học-thức đã có lắm người bỏ con đường quan-lại đem tài-học mở mang những việc cộng-thương để giữ lấy lợi-quyền về đường kinh-tế. Những đồn-điền rộng, những hiệu buôn to, những nhà máy lớn của người mình gây dựng quản-đốc ngày nay cũng đã có nhiều, mà các nhà nông công thương ấy cũng được quốc-dân quý trọng, cũng dự một cái địa-vị cao-sang trong xã-hội như những bậc quan trưởng, chớ không bị coi thường như các « cụ lái » «cụ phó» ngày xưa.

j) Về phương-diện giáo-dục, cái quan-niệm hiện-thời cũng thấy rộng-rãi hơn xưa. Các cụ thì có ý thiên-trọng về trí-dục và đức-dục nên phần nhiều có học-thức rộng, nết-na tốt, nhưng sức thường trói gà không chặt. Ngoài việc đọc sách ngâm thơ, các cụ không thể cán-đáng được những công việc nặng-nề khó-nhọc. Ngày nay ngoài đức dục, trí-dục, ta đã hiểu biết thể-dục cũng là cần, nên thiếu-niên ta được hưởng một nền giáo-dục dù không hoàn-toàn nhưng ít khuyết-điểm, thành ra không những có học-thức nết-na mà thân-thể lại còn cường-tráng. Ít lâu nay cái phong-trào thể-dục lan khắp mọi nơi, các hội thể-thao thi nhau sáng-lập, và trong thể-thao-giới ta cũng đã có một vài tay tên tuổi được vang động ở bên ngoài, đó chả là một cái kết-quả đáng mừng sao.

k) Mà cái phương-pháp giáo-dục nay cũng khác xưa. Trước thì cứ lấy các lời của những bậc hiền-triết là những cái chân-lý bất-di bất-dịch, những câu nói có vẻ thần-thánh bất khả xâm-phạm, mà không dám lấy ý riêng bình-phẩm, sợ lỗi đạo với tiền-nhân và sợ tiếng mỉa-mai là « con chán khôn hơn ông vải » và « trứng đòi khôn hơn vịt ». Ngày nay đã biết bỏ cái lòng nệ-cổ quá-đáng ấy, mà theo cái chủ-nghĩa tự-do bình-phẩm, đem các lời cách-ngôn của Khổng, Mạnh ra đối-chiếu với sự thực ở quanh mình, điều nào chắc là hay là phải, hợp với chân-lý thì theo, còn điều nào không hợp-thời thì đành chịu lỗi đạo với người xưa mà gác bỏ một bên vậy.

l) Vì việc giáo-dục được chỉnh-bị hơn, nên không những ta được mở-mang về đường trí-thức, ta lại còn tiến-hóa về đường mỹ-thuật nữa. Nhờ có ảnh-hưởng của mỹ-thuật Âu tây và nghề hát bội của ta đã thấy đổi thay, bớt nhiều cái lố-lăng vô vị; khoa âm-nhạc của ta cũng bớt cái vẻ yếu-ớt du-dương, mà thêm cái vẻ hùng-hồn, mãnh-liệt. Lại thêm trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-dương đã đào tạo được lắm họa-sĩ có tài, không những được quốc-dân trọng-dụng, mà lại được cả ngoại-quốc ngợi-khen nữa.

Văn-chương cũng là một khoa mỹ-thuật, nên cũng nhờ ảnh-hưởng văn-chương Pháp mà thay đổi ít nhiều. Các nhà văn-sĩ đã biết theo gương người Pháp, biết trọng sự thực, biết dùng một lối văn rõ-ràng để đạt ý-tưởng của mình, biết bỏ những khuôn-sáo cũ, tuy

nghe có văn-hoa nhưng lắm khi không đúng sự thực. Lại có vài nhà thi-sĩ muốn làm « cách-mênh » trong việc làm thơ, muốn hoán-cải hẳn thi pháp cũ, mà đem lối thơ mới theo thi-pháp tây thay vào cho khỏi bị bó buộc vì niên-luật đã đặt từ xưa. Thật là một việc quá bạo, không biết có được thành-công chăng.

VI. Cuộc tiến-hóa của phụ-nữ

a) Vì sự giáo-dục không những mở-mang riêng cho bên nam-giới, mà bên nữ-giới cũng được chung hưởng nữa nên trong vòng 20 năm nay, chị em Nam-Việt cũng đã thấy tiến-hóa lên một bậc khá cao.

Tuy rằng ở chốn thôn-quê, phụ-nữ Việt-Nam chưa chịu ảnh-hưởng của văn-hóa châu Âu, nên còn sống theo các lề-thói cũ như các cụ từ 50 năm về trước, nghĩa là theo cái thuyết nam ngoại nữ nội, và cái đạo tứ-đức tam-tòng, nhưng ở các nơi thi-trấn thì đã thấy có lắm việc cải-cách trong sự sinh-hoạt của các chị em.

b) Về phương-diện vật-chất thì lối ăn mặc của nữ-giới ngày nay có vẻ mỹ-thuật hơn. Các cụ khi xưa thường chỉ dùng màu thâm màu nâu, ít ưa dùng đồ trang-sức và quần áo các mùi, nên cái xã-hội Việt-Nam ta tuy có cái vẻ trang-nghiêm nhưng kém cái bề đẹp mắt. Chị em bên nữ-giới ngày nay thì rất để ý đến cách ăn mặc trang-sức, quần áo dùng tơ lụa các mùi, lại thêm thay đổi thời-trang luôn, khiến cho cái vườn Nam-Việt lúc nào cũng như có muôn hồng nghìn tía khoe tươi, làm cho cuộc đời kém vẻ bi-ai mà thêm bề lạc-thú vậy.

c) Nữ-giới Việt-Nam không những chỉ chú-trọng cải-cách về đường vật-chất, mà cũng biết tiến-hóa về phương-diện tinh-thần nữa.

Vì được hưởng sự giáo-dục một cách tự-do như các bạn trai, nên về đường học-thức đã có phần tấn-tới. Không những là chịu ảnh-hưởng của khoa-học Âu-châu mà cái lòng tín nhảm đã thấy bớt dần, lại còn vì tiêm-nhiễn các tư-tưởng mới, mà chị em đã có quan-niệm về quyền-lợi, nên ít lâu nay cái phong-trào tôn-trọng nữ-quyền đã tràn khắp từ Nam chí Bắc. Các chị em không những chỉ hô-hào bằng lời nói xuông, mà chính đã có một ít bạn gái đã quyết bỏ việc trong nhà bước chân ra ngoài để tranh đấu cùng các bạn trai kia nữa. Vì thế mà công việc trong xã-hội xưa kia chỉ có bạn trai gánh vác, ngày nay đã có bạn gái xen vào giúp đỡ một phần. Như ở các công-sở thì các chị em hoặc làm khán-hộ hoặc làm giáo-học cô-đỡ, thư-ký, bào-chế vân vân. Ngoài các công-sở thì bạn gái cũng theo đòi bạn trai trong việc công-thương và các công-cuộc về văn-chương mỹ-thuật. Ít lâu nay đã có nữ-văn-sĩ, nữ-thi-sĩ chân-chính, chứ không phải giả hiệu như Đào Thị-Loan, Nguyễn Thị-Bồng ngày xưa, lại có cả một vài bà vài cô hoặc làm báo hoặc diễn-thuyết đã nổi danh trong Nam ngoài Bắc nữa.

d) Về phương-diện xã hội thì nữ-giới cũng đã biết, hoặc giúp bên nam-giới, hoặc tự mình lập hội tương-tế để giúp đỡ lẫn nhau, hoặc tổ-chức những cuộc làm phúc để cứu-cấp kẻ nghèo gặp khi tai-nạn. Trong những khi hội-đồng bàn việc, mà có thêm các bà các cô dự-thính, thì bạn trai lại càng thêm phấn-khởi tinh-thần, vui lòng mà làm việc, một là để cho trọn nghĩa-vụ, hai là để tránh khỏi lời bình-phẩm của chị em, đó cũng là một điều hay vậy.

e) Không những phụ-nữ Việt-Nam biết chiếm lấy một phần công việc thuộc về kinh-tế, xã-hội, mà lại còn ra

ganh đua cùng nam-giới về phương-diện thể-thao nữa. Thể-thao-giới ở xứ mình từ trước đến giờ chỉ riêng cho các bạn trai, thế mà trong vòng vài năm nay, các chị em đã hiểu sự ích-lợi của thể-dục đối với cá-nhân và đối với nòi-giống, nên cũng hô-hào bảo nhau ra chen vai thích cánh trên trường vận-động với các bạn trai, không sợ búa rìu của mấy nhà đạo-đức quá ư thủ-cựu. Nào nơi thì tổ-chức cuộc đi bộ, nào chỗ thì vận-động lập sân quần; trong Nam-kỳ lại có cả hai đội đá túc-cầu, đã nhiều phen ra tranh-đấu với bạn trai mà không kém chi nhau mấy.

f) Tóm lại, ai cũng phải công-nhận là phụ-nữ Việt-Nam ta trong vòng hai chục năm nay có cải-cách nhiều, trên con đường tiến-hóa đi cũng đã nhanh chân đấy. Nhưng nếu các bà các cô cho phép tôi ngỏ một đôi lời, thì tôi xin khuyên các chị em nên từ-từ mà bước, cẩn-thận mà đi, chớ hấp-tấp vội-vàng, nhỡ ra quá chớn vấp chân, mà ngã vào những đống gai-góc bùn lầy thì thật là làm đau lòng cho thân-nhân bạn-hữu lắm.

Kết-luận

a) Theo những sự đã thuật trong lịch-sử và những việc đã quan-sát ở quanh ta, ta có thể mừng rằng dân-tộc Việt-Nam đã bước được một bước khá dài trên con đường tiến-hóa. Cuộc tiến-hóa ấy về bên nam-giới cũng như về bên nữ-giới tuy điều hay cũng lắm mà điều dở cũng nhiều, song đó là lẽ tất-nhiên, tránh sao cho được. Bội-tinh nào chả có mặt phải mặt trái, thì mỗi việc trên đời đều có chỗ dở chỗ hay; ta chớ nên vì một vài sự chướng mắt trái tai mà đã vội giơ tay há miệng kêu là « phong-hóa suy-đồi, cương-thường đảo-ngược » : làm cản-trở cuộc tiến-hóa của dân mình. Nếu ta có thể lấy dĩ-vãng mà đoán việc tương lai, thì ta có thể chắc được rằng hậu-vận dân-tộc Việt-Nam mình không có điều chi đáng sợ, mà tất sẽ có ngày rực-rỡ bằng người.

b) Ta có thể nhìn tương-lai bằng con mắt lạc-quan, không những vì như trên đã nói, cái luật tiến-hóa là cái luật chung cho cả mọi loài, mà ta lại có cái may được một ông thầy đủ tư-cách, tận-tâm dẫn đường chỉ lối cho ta. Ông thầy ấy là nước Pháp, mà dân Pháp đã có tiếng là một dân-tộc giàu lòng nghĩa-hiệp, giàu lòng nhân-đạo, xưa nay vẫn đem những tư-tưởng cao thượng rải-rắc khắp hoàn cầu và sẵn lòng giải-phóng cho những dân-tộc yếu-hèn. Lại thêm Chính-phủ Pháp đã bao phen tuyên-bố một cách trịnh-trọng rằng sẽ dìu-dắt dân ta cho chóng đến ngày có một cái vận-mệnh tốt đẹp như người, chắc chẳng khi nào nước Pháp lại quên lời hứa, vậy ta cần e ngại nỗi chi.

c) Ta có thể trông cậy vào nước Pháp, mà ta lại có cái nghĩa vụ phải tin vào tương-lai của dân tộc ta nữa. Ta tin được vì dân-tộc ta đã có một cái lịch-sử tuy có nhiều đoạn đau-đớn mà cũng có lắm đoạn vẻ vang; ta tin được vì dân-tộc ta là một dân có văn-hiến, và có lắm đức-tính hay; ta tin được vì dân-tộc ta có cái sức tiến thủ mãnh-liệt; ta tin được vì ta có cái nguyện-vọng chung sẽ chiếm được một địa-vị đích-đáng trong vũ-đài thế-giới; ta tin được vì dân-tộc ta muốn đi lên chứ không muốn lui lại, muốn sống chứ không muốn chết, đã muốn thế mà lại được ông thầy tốt thì lo gì trăm việc chẳng thành.

NGUYỄN VĂN-HIẾU (*Giáo-sư*).

ĐỜI SÚNG ĐẠN

■

Một truyện trinh-thám mạo-hiểm hồi Âu-chiến (1)

■

VII

Chỗ Mạch-Hải và Lệ-Ti ngồi lại đối ngay một cái gương lớn, nên Mạch-Hải ngẫu-nhiên nhìn vào gương chợt trông thấy sau lưng Lệ-Ti một cái mặt người đàn ông và một cái tay cầm khẩu súng. Chàng giật mình kinh-hãi, nhưng không thể chạy ra mà đánh kịp được, vì ngón tay người ấy đã đề vào cò súng sắp nổ rồi. Chàng nhanh-trí đẩy ngay Lệ-Ti ngã xuống đất thì vừa lúc một tiếng nổ đoàng, viên đạn bay vụt qua không trúng vào ai cả. Mạch-Hải thừa thế nhảy ra đánh Ý-Lỗ, thích-khách, tránh không kịp, bị đánh văng mất súng. Mạch-Hải thuận chân nhảy lên đá luôn một cái rất mạnh vào ngực, Ý-Lỗ ngã gục xuống. Mạch-Hải nhặt súng bắn luôn mấy phát vào giữa đầu, thế là Ý-Lỗ hồn về chín suối.

■

Đến Ba-lê, Lệ-Ti và Mạch-Hải y như lời Khắc-Tư dặn, đến ngụ ở khách-sạn Hoắc-tư-ban đường Xá-chấn. Một tên bồi to béo, què một chân, tuổi độ 40, đưa hai người đến phòng ngủ. Mạch-Hải ở buồng số 62, Lệ-Ti ở buồng số 63.

Lệ-Ti vừa bước chân vào cửa phòng liền giật mình, trông thấy một người đàn ông đứng sừng-sững ở trong phòng nhìn nàng mà cười. Nàng buột mồm kêu lên: Ông Khắc-Tư!

Khắc-Tư khoan-thai đến nắm tay nàng tươi cười nói:

— Cô vượt biển được bình-an, tôi rất vui lòng. Nhưng cô đi chuyến này tôi lấy làm nguy-hiểm cho cô lắm, nếu không cẩn-thận thì mất mạng như không, tôi dám khuyên cô đừng đi nữa, cô nghĩ sao?

Lệ-Ti lắc đầu:

— Tôi nguyện hiến thân cho nước, dầu gian-nguy hiểm-trở thế nào cũng không dám từ-nan, xin ông đừng ngăn-trở.

Khắc-Tư làm ra dáng khẩn-khoản, nằn-nì:

— Cô Lệ-Ti ơi! Tôi yêu cô lắm! Xin cô đừng lấy cớ vì nước mà đem thân vào chỗ chết, xin cô thấu cho cái tình tôi mà đừng đi nữa, cô Lệ-Ti!

Lệ-Ti nghe nói trong lòng rất lấy làm khinh-bỉ, trả lời:

— Ông đường-đường là một nhà chánh trinh-thám của quốc-gia, sao

(1) *Xem Nam-Phong từ số 197.*

lại hèn-nhát thế? Tôi tuy là đàn-bà yếu-đuối, nhưng thiên-chức sở-tại, sao dám chẳng hết lòng. Lời ông nói đó không phải là lời tôi muốn nghe, thưa ông.

Khắc-Tư không vui, nói:

— Nếu vậy thôi, cô không nghe tôi cũng không biết làm thế nào. Ừ thì cô đi! Bây giờ chiều hôm nay tôi đem xe hơi đến tiễn cô. Cố gắng đi! cẩn-thận nhé!

Lệ-Ti nín lặng không đáp, Khắc-Tư lại vỗ vào vai nàng, nói dịu-dàng:

— Tôi xin đem hết sức để bảo-hộ cho cô. Cô Lệ-Ti yêu của tôi ơi! Chẳng hay cô có biết cho lòng tôi yêu cô đến thế nào không?

Lệ-Ti không bằng lòng, nghiêm sắc mặt nói:

— Ông đừng nói thế. Ông nên biết rằng ông không phải là người được gọi tôi là « Lệ-Ti yêu ».

— Thế thì ngoài tôi ra, ai được cái hạnh-phúc gọi cô như thế?

Lệ-Ti gắt:

— Sự ấy có việc gì đến ông, mà ông căn-vặn tôi?

Khắc-Tư xấu-hổ cúi gằm mặt xuống như người mất hồn, lủi-thủi mở cửa đi ra.

Vừa ra khỏi cửa thì chàng gặp tên bồi què chân đứng ở đấy như có ý đang dòm-dỏ dò-la. Tên bồi thấy Khắc-Tư ra, vội-vàng lấy cái khăn giả vờ lau cánh cửa, sắc mặt biến đi, có cái vẻ gian-trá bí-mật, rồi lùi dần lần đi mất, nhưng đã gieo một mối ngờ cho Khắc-Tư.

■

Có một đảng, một đảng chuyên làm sà-phòng bằng..... mỡ người. Đảng ấy hễ bắt cóc được người nào là ném vào cái bể chứa nước cường-toan, tức thì xương thịt người ấy tiêu ra nước ngay, chỉ còn có vàng mỡ là nổi trên mặt nước. Chúng lấy cái mỡ ấy mà chế ra sà-phòng, đem tiêu-thụ ở các nước, làm tuyệt-diệt nhân-đạo đến thế là cùng, ai nghe thấy đều không khỏi giận dựng tóc gáy. Đảng chúng khá đông, ở tản-mát khắp trong cõi nước Pháp. Tên bồi què chân ở khách-sạn Hoắc-tư-ban đó, chính là một tay trong bọn đảng-viên của chúng vậy.

Trong khi Khắc-Tư và Lệ-Ti nói với nhau ở trong phòng, tên bồi què đứng ngoài cửa đều nghe rõ hết thảy. Ngay trưa hôm ấy nó liền đến cơ-quan của đảng nói cho tên đầu đảng biết, và bảo rằng độ 8 giờ chiều thì lập kế bắt cả hai người để lấy vật-liệu mà làm sà-phòng. Tên đầu đảng lấy làm mừng lắm. Trước khi từ-biệt, tên bồi què lại còn nói thêm:

— Tôi mới nhận được bức mật-điện nói tối hôm nay thì E số 9 đến Ba-lê. Người này tôi chưa biết mặt nhưng biết rằng hắn là thám-viên của đội trinh-thám thứ nhất của Đức ta ở Mĩ, nay vì một cớ bí-mật gì phải đến Pháp để giao-thiệp với chi-đội trinh-thám ở Pháp, nếu tôi gặp, tôi sẽ bảo hắn đến yết-kiến ông.

■

Bây giờ chiều hôm ấy, sau khi cơm tối xong, Mạch-Hải và Lệ-Ti cùng ngồi một chiếc xe hơi đi đến chỗ biên-giới hai nước Pháp Đức. Hai người vừa đi xong liền có người đến báo cho Khắc-Tư:

— Thưa ông, Lệ-Ti và Mạch-Hải không nghe lời ông đã dùng một chiếc xe hơi mà đi rồi, xem chừng như có ý ngờ ông lắm.

Khắc-Tư lẳng-lặng gật đầu rồi đi đi lại lại cau trán nghĩ-ngợi.

■

E số 9 đã đến khách-sạn Hoắc-tư-ban. Tên bồi què đưa hắn ta đến buồng số 27. Xếp hành-lý đâu vào đấy, hắn ta nhìn tên bồi què rồi lấy tay đập vào cánh tay bên trái mấy cái như là phủi bụi. Tên bồi què biết ngay là người trong đảng khi mới gặp nhau thì làm hiệu như thế, cũng phủi-phủi mấy cái để làm hiệu đáp lại.

Thế là hai người hiểu ngầm là đồng-đảng với nhau, mới vui-vẻ bắt tay nhau. Tên bồi sẽ hỏi:

— Anh là E số 9?

— Phải.

E số 9 vừa đáp vừa giơ cái thẻ đồng ra. Tên bồi vội-vàng chạy ra cửa trông trước trông sau rồi đóng cửa lại, vào nói với E số 9:

— Tôi đợi anh mãi. Anh đến đây vừa may quá. Hiện có một nữ-trinh-thám người Mĩ tên là Lệ-Ti mới đến Pháp sáng hôm nay và ngụ ở đây, cùng đi với một tên đàn ông cũng người Mĩ tên là Mạch-Hải, anh có biết chúng nó không?

— Có. Tôi đến đất Pháp này cũng chỉ vì hai đứa ấy. Chúng nó biết nhiều điều đại-bí-mật của nước ta, muốn làm điều bất-lợi cho nước ta, rất nên bắt mà giết ngay đi.

— Nếu thế thì hay lắm, anh không lo, chúng nó đã bị đảng tôi bắt và giam ở xóm Khắc-lạc rồi. Nửa đêm hôm nay chúng tôi sẽ lấy phương-pháp khoa-học mà giết để lấy nguyên-liệu giúp cho công việc chế-tạo của chúng tôi.

E số 9 nghe nói mừng lắm:

— Nếu quả như lời anh nói thực là phúc cho nước nhà. Công việc linh-mẫn như thế đáng phục lắm, chẳng hổ là người của Đức-ý-chí đế-quốc ta.

— Việc anh đến đây tôi đã nói truyện với đảng-trưởng của tôi, sáng mai anh có thong-thả đến chơi, anh sẽ biết cái kết-quả của hai đứa kia.

E số 9 nhận lời, tên bồi què cáo-từ đi ra.

■

Khi E số 9 đến ngụ ở khách-sạn Hoắc-tư-ban, Khắc-Tư đã để ý dò xét. Chàng dình nghe được hết câu chuyện của E số 9 nói với tên bồi què. Lúc ấy tên bồi què đã ra rồi. Chàng đẩy cửa thong-thả bước vào. E số 9 đang lúi-húi làm việc ở trên bàn, thấy chàng vào kinh-ngạc đứng dậy. Khắc-Tư tay cầm cái kính một mắt, cười nói tự-nhiên:

— Kìa anh E số 9. Như thường chứ? Sao đến chậm thế?

E số 9 nghe nói lại càng ngạc-nhiên, lấy tay che lên mồm như có ý bảo rằng đừng nói. Khắc-Tư tiến lên để bắt tay, E số 9 đẩy ghế đi ra, chẳng ngờ bị Khắc-Tư thoi luôn một cái vào giữa mặt, máu chảy đầm-đìa ngã quay ra đất. Khắc-Tư đánh liền mấy cái nữa, rồi lục-soát trong túi E, lấy được cái thẻ đồng có chữ «E số 9», chàng mừng lắm, bỏ vào túi rồi chạy đi ngay.

■

Lệ-Ti và Mạch-Hải ngồi xe hơi định đi đến chỗ giao-giới của Đức-Pháp. Đi được ít lâu thì đến xóm Khắc-lạc, xe tự-nhiên đứng dừng lại. Tên tài-xế nhảy xuống mở cửa xe mời hai người xuống. Hai người tưởng là đến nơi rồi

mới xuống xe, không ngờ tên tài-xế rút ngay súng ra chĩa vào hai người mà cười nhạt :

— Chúng mày vào lưới bọn tao rồi, phải đứng im, không tao bắn liền.

Hai người sợ hãi, biết ngay rằng tên tài-xế cũng là vây cánh của đảng Đức, đành làm thinh không dám kháng-cự. Lúc ấy, sau cái nhà nát ở bên đường cách đấy không bao xa, ùa ra sáu bảy đứa nữa. Mạch-Hải thừa lúc tên tài-xế vô-ý, đánh ngay một cái thật mạnh vào cánh tay nó làm cho khẩu súng của nó rơi bật ra. Tên này trở tay không kịp bị Mạch-Hải đánh luôn cho mấy cái nữa ngã xuống đất. Lệ-Ti vội-vàng chạy đi, nhưng sáu bảy đứa kia đã ập đến. Hai bên gặp nhau đánh nhau túi-bụi. Lệ-Ti tay đánh chân đá nhanh-nhẹn lạ-thường, bọn kia tuy đông nhưng không làm gì được. Kế Mạch-Hải chạy đến trợ-chiến, giơ tay vẫy bảo Lệ-Ti trốn đi. Lệ-Ti mới hết sức xông ra khỏi vòng vây mà chạy, vì cũng tự biết sức mình không thể chống nổi được với chúng nhiều người. Mạch-Hải vốn khỏe lại có võ, nên đối-địch được với chúng và đánh ngã được mấy đứa, nhưng đứa ấy ngã, đứa khác lại xông đến, đứa này ngã đứa kia lại dậy rồi, thành ra đánh mãi sức cũng kiệt, liền bị chúng bắt. Lúc ấy Lệ-Ti chạy cũng chửa được bao xa, chúng lấy súng đuổi theo. Đuổi gần đến nơi, mấy tay súng đều chĩa cả vào Lệ-Ti, nàng không dám kháng-cự nữa đành để cho chúng bắt. Chúng dẫn cả hai người cho tên đầu đảng ở trong một cái nhà cũ gần đấy. Tên đầu đảng mừng rỡ, sai đem giam mỗi người một nơi rồi ra lệnh đến nửa đêm vứt hai người vào bể cường-thủy.

■

Khắc-Tư sau khi lấy được cái thẻ của E số 9, liền đi một chiếc xe hơi phóng hết máy đến xóm Khắc-lạc. Đến nơi, đỗ ở trước cái nhà cũ, Khắc-Tư tiến vào vừa đến cửa, chợt trong xó tối thò ra một khẩu súng rồi có tiếng hỏi :

— Ai ?

Khắc-Tư lấy cái thẻ đồng của E số 9 đưa ra, người kia xem xong bèn cho vào. Khắc-Tư đường-hoàng đi thẳng vào phòng khách. Lúc ấy tên đầu đảng cùng bộ-hạ đang hội-họp ở đó, thấy Khắc-Tư vào, ai nấy đều kinh-ngạc. Tên đầu đảng chĩa súng vào Khắc-Tư. Khắc-Tư vẫn ung-dung như thường, một tay bỏ cái kính một mắt xuống, mỉm cười :

— Khách đến nhà mà lại lấy súng ra tiếp, sao lại có cái lễ lạ đời thế? Vậy lời nói trước của anh bồi quê các anh quên cả rồi à?

Tên đầu đảng mới sực nhớ ra, hỏi :

— Vậy anh là E số 9. Thẻ đâu ?

Khắc-Tư đưa thẻ ra, tên đầu đảng xem xong mới bỏ súng vào túi rồi bắt tay Khắc-Tư, tỏ ý hoan-nghênh lắm.

— Tôi nghe anh bồi quê nói Lệ-Ti và Mạch-Hải đã bị các anh bắt rồi, có thật không?

Tên đầu đảng vui mừng đáp :

— Thật.

— Thế thì thủ-đoạn của các anh giỏi lắm, đáng phục lắm! Nhưng con Lệ-Ti nó tinh-khôn lắm đấy, giam khéo không nó lại trốn mất.

— À, điều ấy thì anh không phải lo, chúng nó khó lòng mà trốn được.

— Nếu vậy tốt lắm! Nay tôi muốn được gặp Mạch-Hải để hỏi nó những điều bí-mật của nước Mĩ, có được không?

— Được, có hề gì.

Tên đầu dẫng sai người đưa Khắc-Tư lên một cái gác, đến phòng giam Mạch-Hải mở cửa cho chàng vào. Khắc-Tư vào rồi, tên dẫn đường lại khóa cửa lại, rồi đứng đợi ở ngoài. Mạch-Hải thấy Khắc-Tư vào, ngạc-nhiên quá toan kêu lên, Khắc-Tư vội-vàng lắc đầu bảo đừng nói, rồi sẽ nói nhỏ :

— Tôi đã bảo, bọn các ông không nghe, nên mới đến nỗi này, thực là đáng tiếc. Bọn ông chỉ trong sớm tối hôm nay là nguy đến tính-mệnh, nên tôi phải mạo-hiểm đến đây để cứu bọn ông, ông nên biết cho cái lòng ngay thẳng của tôi, mà đừng nghi-ngờ gì.

Mạch-Hải mừng quá, nói :

— Ông cứu cho là phúc, lại còn dám ngờ gì nữa, nhưng cô Lệ-Ti cũng bị chúng bắt, ông nên đi cứu cô ấy trước rồi hãng đến cứu tôi.

— Cô Lệ-Ti có thể tự cứu được. Bây giờ hãy biết rằng ngoài kia đẳng chúng đông lắm, nếu tôi với ông cùng ra thì lộ mưu hỏng việc mất. Tôi định rằng một người trong hai chúng ta ra trước đi cầu cứu ở sở cảnh-sát, còn một người ở lại để đợi cứu sau.

— Nếu vậy ông ra trước, tôi xin ở đây đợi bọn các ông.

— Không được. Ông phải đổi lốt mặc quần áo tôi ra trước đi, để tôi ở lại cho.

Mạch-Hải ngạc nhiên :

— Ra thì sống ở thì chết, sao ông lại bỏ cái sống lấy cái chết là ý gì?

Khắc-Tư khẳng-khái nói :

— Hiện nay người biết nhiều điều bí-mật của Đức chỉ có ông mà thôi. Sự sống chết của ông có quan hệ với quốc-gia rất lớn, cho nên cái mạng ông có giá hơn tôi nhiều. Ví dù tôi có bị chúng giết đi chăng nữa, thì sự khinh-trọng cũng chẳng đáng là bao. Ông nên vì quốc-gia mà nghe tôi, đi ngay đi.

Mạch-Hải nghe nói trong tâm khôn xiết cảm-động, nghĩ thầm Khắc-Tư vì muốn cứu mình mà chẳng tiếc thân, những nhà nghĩa-hiệp đời xưa cũng chẳng hơn gì mấy. Trước kia Lệ-Ti cứ nghi hắn ta âm-thông với địch-quốc, thực là lầm quá. Lúc ấy Khắc-Tư đã cởi bộ quần áo ngoài cùng giầy mũ xong rồi. Chàng bắt Mạch Hải phải thay mặc Mạch-Hải hai ba lần từ-chối, chàng nhất định không nghe, sau Mạch-Hải bất-đắc dĩ phải cởi quần áo giầy mũ đánh đổi cho Khắc-Tư. Đổi lốt xong, Khắc-Tư ngầm-nghĩa Mạch-Hải lấy làm bằng lòng lắm. Chàng kéo cái cổ áo và kéo sụp chiếc mũ xuống cho Mạch Hải dường như sợ rằng đêm hôm sương rét, rồi lấy cái kính một mắt của mình đeo vào trước ngực Mạch-Hải. Mạch-Hải cũng một tay cầm lấy cái kính bắt chước cái dáng của Khắc-Tư, trông y như Khắc-Tư. Khắc-Tư thấy thế trên mặt tươi-tỉnh nở một nụ cười. Mạch Hải nắm lấy tay Khắc-Tư cảm-động quá, ngập-ngừng muốn khóc. Khắc-Tư đẩy chàng ra mà giục :

— Ra đi, thôi ông ra đi. Nếu chậm một phút nào, tôi sợ rằng chúng ta không được trông thấy nhau trên đời này nữa.

Mạch Hải đành phải đẩy cửa đi ra. Tên dẫn đường đứng đợi ở ngoài thấy Mạch-Hải ra tưởng là Khắc-Tư, mở khóa của phòng lại rồi cùng Mạch-Hải xuống thang. Đến phòng khách, Mạch-Hải không dám nhìn ngang, cứ cắm

đầu đi thẳng. Tên đầu đảng trông thấy gọi :

— Xong việc rồi à ! Đi đâu mà vội thế ?

Mạch-Hải không dám quay hẳn lại, chỉ đứng nghiêng mình đáp :

— Xong rồi. Tôi có việc cần phải đi Thụy-sĩ ngay.

Thế rồi chàng cúi đầu chào một cái rồi đi thẳng.

■

Lệ-Ti bị giam ở trong buồng tối, biết rằng xử cảnh rất nguy, phải tìm phương để trốn. Nàng rút cái trâm cài đầu, uốn thành một thia khóa — thứ thìa mở khóa nào cũng được — loay-hoay một lúc lâu thì cửa mở ra được. Nàng mừng quá lẻn ngay ra, trong đêm tối lần đến đàng sau phòng khách, thấy trong phòng có tiếng người, nàng mới áp tai vào tường nghe trộm.

Lúc ấy tên đầu đảng và bộ-hạ đang tụ-họp bàn-luận. Một đứa hỏi :

— Bắt được chúng nó sao không ném ngay vào bể cường-thủy đi có được không, việc gì phải đợi đến nửa đêm ?

— Anh ngu lắm. Phàm chế-tạo một vật gì phải có chương-trình, cái làm trước cái làm sau, dự-bị đâu vào đấy rồi mới ném chúng nó vào được chứ.

Đang bàn-luận có người vào báo :

— Công việc chế-tạo sà-phòng đã bố-trí xong cả rồi.

Tên đầu đảng gật đầu, quay lại bảo các đảng-viên :

— Bây giờ cho thằng đàn ông vào trước, nhưng hãy lấy súng bắn cho chết đi đã thì tiện hơn.

(Còn nữa)

Tùng-Toàn *dịch-thuật*

VĂN-UYỂN

Bài biểu khánh-chúc ngày lễ Vạn-thọ đức Bảo-Đại

Chúng tôi là Bắc-kỳ Cố-vấn và quan-lại văn võ tại-chức và hưu-trí kính tâu :

Đức Hoàng-đế bệ-hạ,

Chúng tôi gặp ngày Vạn-thọ, xin kính dâng biểu mừng.

Nay ngửa thấy :

Chiều trời êm-ả ;
Cảnh-tượng thăng-bình.
Nam Bắc một nhà ;
Non sông có chủ.

Trên Thánh-thượng xuân-thu đỉnh-thịnh, như mặt trời dương rạng bể đông ;

Khắp trong ngoài ức-triệu âu-ca, như đàn chim đua mừng buổi sớm.

Phảng-phất hơn hai-mươi năm trước, sông Hoàng-hà tưởng thấy nước trong ;

Tưng-bừng ngày hăm-ba tháng chín này, bến Hoa-chử vẫn còn vẻ sáng.

Đó là ngày kỷ-niệm trên lịch-sử ;
Tức là ngày vui-vẻ của thần-dân.

Muôn tâu Hoàng-đế bệ-hạ,

Tư Trời thông-minh ; học Thánh thâm-thúy.

Mười năm thánh-dưỡng, ngoài bể Âu khơi ngọn nước suối trong ;

Mấy độ thần-du, khắp Trung Bắc in dấu thơm xe Ngự.

Kính thờ Liệt-miếu ;
Hiếu phụng Tam-cung.

Trong hiệp-đồng Hoàng-hậu chánh-cung, gây nền vương-hóa ;

Ngoài miễn-lệ đại-thần Cơ-mật, trọng thể Triều-đình.

Nghĩa bang-giao thì khăng-khít tình thân,

Viện Dân-biểu thì mở thêm ngôn-luận.

Những lúc vạn-cơ rỗi-rãi, lại chuộng thể-thao ;

Còn nhiều hóa-nhật lâu-dài, tiến lên thọ-khảo.

Trời thêm cho tuổi ;
Ai chẳng vui lòng.

Huống chi là thần-hạ chúng tôi :

Xa ở Bắc-thành ;
Vời trông Nam-khuyết.
Nhớ ngày Vạn-thọ ;
Ghi tiết thiên-thu.
Tuy thân phận xa trời ;
Mà tiếng vui dậy đất.

Ngửa mặt theo chiều Bắc-đẩu, áo xiêm bái-vọng hành-cung ;

Nâng tay chuốc chén Nam-sơn, qui-hoắc nghiêng lòng hướng nhật.

Tuân theo lệ cũ ;
Dãi chút lòng thành.

Những mong rằng :

Thánh-thể thường được khang-cường ;
Đức-chính ngày thêm rực-rỡ,
Đó là phúc cho sơn-hà xã-tắc ;
Mà phụ lòng ngưỡng-vọng của trung ngoại thần-dân.

Thành-thực mấy lời, thốt ra từ trong dạ ;

Cao-minh chín bệ, soi xét tới ngoài xa.

Nay kính biểu

Kính thỉnh

Tam-cung bệ-hạ vạn an ;
Hoàng-hậu bệ-hạ khang-cát.

Ngày 20 tháng 9 năm thứ chín
Hoàng-hiệu Bảo-đại

(Phó-bảng Nguyễn Can-Mộng phụng-thảo)

56

Vịnh hoa Đàm

Hiện trong thế-giới một chùm hoa,
Trên cõi Nam-minh cũng mọc ra ;
Nếu đã gây nên cảnh cõi ấy,
Rồi ra thơm khắp nước non ta ;
Tung qua trước mặt bà tiên-nữ,
Cười đứng trên tay đức Phật bà ;
Nhân-nhủ người xem khi mới nở,
Lòng tham ai đó đừng cho xa.

Tặng chị em xóm bình-khang

(Họa nguyên-vận ông Hoàng Cao-Đài)

Mỗi trận cuồng-phong một trận kinh,
Chương-đài liễu mọc vẫn xanh-xanh ;
Chẳng thuyền ai trở qua sông ái,
Có thước nào đo được ruộng tình ;
Rồi trắng chỉn e phường bạc-bẽo,
Gin vàng chi sợ giống hôi-tanh ;
Chị em ta cứ trong như tuyết,
« Sĩ » nó khi nao « lục » được mình.

T. L.

∴

Chơi hồ-sen có cảm

Vủng-đình chèo lan bóng xế tà,
Rẽ làn thu-thủy dạo tìm hoa ;
Mây in đáy nước, trời xanh ngắt,
Cá lẩn chân bèo, bóng trắng xoa ;
Mấy khóm sen tàn cơn gió thổi,
Một vùng cỏ biếc sắc trời pha ;
Than ôi ! là giống hoa quân tử,
Gặp vận suy-đồi cũng thế a ?!!

Vịnh Châu-lan (hoa sói)

Trước lầu Ngưng-bích khóm châu-lan,
Cành lá sâm-si đượm vẻ hàn ;
Ngọc nhả hồn hương cơn gió thoảng,
Châu lay bóng quế hạt sương tan ;
So vào quốc-sắc mươi phần vẹn,
Duyên với thi-nhân một chữ nhàn ;
Xóm hỏi hỏe hoa ai khéo vẽ ?
Chén trà thanh-khí giọng chưa khan !

Món nợ nhà Nho

Món nợ nhà Nho thật khá rầy,
Nợ non, nợ nước, nợ đông tây ;
Nợ vòng kim cổ gương trung hiếu,
Nợ áng văn-chương vẻ gió mây ;
Nợ mối cương-thường bồi-đắp mãi,
Nợ kho phong-nguyệt chứa-chan đầy ;
Bấy nhiêu món nợ còn chưa xuể,
Lại nợ anh-hùng trả trả vay.

Gửi bạn ế chồng

Nhỡ-nhàng chi mấy chị em ơi ?
Tài-sắc đoan-trang đủ vẹn mười !
Gối lẻ buồn trông mây trước cửa,
Chăn đơn sầu cuốn nguyệt bên trời ;
Thông-thường những được cho đời
Kỳ-vì mong chi có kẻ vời ! [chuộng,
Khép cửa phòng tu thôi chớ hận,
Rồi ra thanh-nhãn thiếu chi người !

TÍNH-PHỐ

∴

Trách hồ Hoàn-kiếm

Hoàn-kiếm hỡi ! tên người đã cổ,
Người sinh ra tự thuở nào đây ?
Thăng-long ở giữa chốn này,
Vui cho thành-phố, nhưng rầy chị em.
Kề phong cảnh ta xem cũng thú,
Này những ngày hội nọ hội kia ;
Quanh hồ đèn giấy lập-loè
Thuyền đua dưới nước, cây đè bóng [trăng.
Lửa đèn điện sáng choang từ phía,
Đền Ngọc-sơn tựa vẻ thiên-nhiên ;
Đêm khuya đốt pháo thăng-thiên,
Giai-nhân, tài-tử tới miền dạo chơi.
Nào những chốn Bồng-lai tiên-cảnh,
Thử đem mà so-sánh chẳng xa ;
Có người ở chốn phồn-hoa,
Thái-bình cảnh-tượng rõ là khác xưa.
Thú vui ấy ta thừa biết rõ,
Mối sầu kia người có hay không ?

Một vùng nước biếc mênh-mông,
Làm mờ bao khách má hồng lâu nay!
Giận số phận cắt dây tơ đỏ,
Biết bao người đến đó cùng ngươi?
« Trái duyên khôn ép » bao người,
Tìm nơi vực thẳm cùng ngươi bạn-bè?
Những chuyện ấy ta nghe đã lắm,
Sao ngươi hay chìm đắm hồng-nhan?
Dưới hồ cũng một thế-gian,
Nên ngươi muốn cứu hồn oan chăng là?
Hay ngươi thấy mặn-mà son phấn,
Dưới bùn đen quyết giấn cho xong?
Hay là hầu dưới thủy-cung,
Thiếu người, nên thấy bóng hồng bắt chơi?
Ngươi đã thiêng, xin ngươi cho biết,
Chẳng thiêng sao có thuyết gươm thần?
Tang thương biến đổi mấy lần,
Rơi gươm thuở trước thế-nhân còn truyền.
Nạn bạc-mệnh quả-nhiên là thế,
Nỗi bất-bình sao để xem chơi?
Trăm điều ngang ngửa vì ngươi,
Chìm châu đắm ngọc tại người hay sao?
Ngươi chớ để người ngao-ngán mãi,
Rằng: Hồ Gươm làm hại hồng-nhan;
Mạng người đã thấy chan-chan,
Xin ngươi nghĩ đến một đoàn chúng sinh.

Thế-lực đồng tiền

(Hát nói)

Nhân-sinh bất quá đa tiền nhĩ,
人生不過多錢耳
Ít đồng tiền, tài trí có ai khen?
Tiền có nhiều thì mua được cả tiên,
Nên chữ « phú » vẫn đè trên chữ « qui ».
Kim tận vô nhan, bi tráng-sĩ,
金盡無顏悲壯士
Đồng-nguyên hữu sú ái gia-huynh;
銅原有臭愛家兄
Ở trên đời muốn chẳng ai khinh,
Danh dẫu tốt, áo chẳng lành sao được chứ?
Kìa thôn-dã mấy anh « trọc-phú »,
Nọ thị-thành mấy chú « sét-ty » đen;
Bởi vì đâu lắm kẻ làm quen?
Thôi cũng vị đồng tiền ra thế đấy.
Tiền là thế, xin ai nhớ lấy,
Thời buổi này, ta hãy thử xem sao.
Đồng tiền thế-lực biết bao!

Tương-giang-thị

THỜI-ĐÀM

PHÁP

Việc cải-cách hiến-pháp

Muốn giải-tán Hạ nghị-viện vẫn phải hỏi ý-kiến Thượng-nghị viện.

Phái dân-chính tả-đảng ở Thượng-nghị-viện đã họp hội-đồng, các Thượng-nghị-viên vẫn giữ thuyết cũ là phải có Thượng-nghị-viện chuẩn-y thì mới được giải-tán Hạ-nghị-viện. Còn các điều cải-cách cần-thiết khác thì các ông cũng theo ý quan Tổng-lý Nội-các.

Phái cấp-tiến xã-hội ở Hạ-nghị-viện họp hội-đồng xong tuyên-cáo rằng đã điều-đình xong việc giữ lệ-luật cũ về sự giải-tán nghị-viện, nghĩa là quan Tổng-thống phải được Thượng-nghị-viện chuẩn-y thì mới được giải-tán nghị-viện.

Quan Tổng-thống Lebrun được vua Alexandre tặng Bắc-đẩu bội-tinh

Vua Alexandre khi ngự-du sang Pháp có đem theo một tấm nhất-đẳng bội-tinh (*Grand-croix*) để tặng quan Tổng-thống Lebrun, nhưng vừa đến *Marseille* thì bị hại, nên bội-tinh ấy chưa tặng quan Tổng-thống được. Đến khi quan Tổng-thống sang Nam-tư-lạp-phu dự lễ an-táng vua Alexandre thì ông hoàng Paul là Phụ-chính đã đem huy-chương ấy gắn tặng ngài.

Tiểu-sử quan Thuộc-địa Tổng-trưởng mới : ông Louis Rollin

Quan Thuộc-địa tổng-trưởng mới Louis Rollin là nghị-viên quận *Seine*, sinh ở *Uzerche* (*Corrèze*) năm 1879 Ông là trạng-sư ở tòa-án *Paris*. Hồi tháng *Octobre* năm 1919 ông giữ chức hội-đồng thành-phố *Paris* rồi được cử nghị-trưởng ủy-ban thành-phố *Paris*, kế nghị-trưởng Tổng-ủy-ban quận *Seine*.

Cũng năm 1919 ông được cử làm nghị-viên lần thứ nhất, rồi đến 1924 và 1928 ông lại được tái-cử luôn. Lúc ấy ông thường có chân trong các ủy-ban : ngoại-giao, giáo-dục, thương-mại, v. v...

Ông vốn là người của bọn dân-chủ tả-phái. Ông từng giữ chức tổng-trưởng bộ hải-thương ở hai lần nội-các Tardieu trước ; tổng-trưởng bộ Thương-mại ở Nội-các Laval và tổng-trưởng thương-mại với bưu-điện ở Nội-các Tardieu lần thứ ba.

Hội-nghị kinh-tế thuộc-địa

Hội-nghị kinh-tế thuộc-địa là do quan nguyên Tổng-trưởng thuộc-địa Pierre Laval khởi-xướng lên. Nay đã định cuộc hội-nghị ấy đến 3 Décembre thì họp, buổi khai-mạc sẽ do quan Tổng-thống Lebrun chủ-tọa.

Quan Tư-pháp tổng-trưởng mới

Quan Tổng-lý nội-các Doumergue đã mời được ông Lemery giữ bộ Tư-pháp thay ông Chéron từ chức. Ông Lemery sinh ở xứ *Martinique*, năm nay 60 tuổi ; ông thuộc dân-chính Cấp-tiến tả-đảng và Cấp-tiến xã-hội ở Thượng nghị-viện.

Ý-kiến ông Poincaré về cuộc đình-chiến năm 1918

Nhân ông POINCARÉ từ trần hôm 15 Octobre vừa rồi, ông BOURGET là trợ-bút báo *La presse* ở *Paris* có viết một bài về cuộc hội-đàm của ông với ông POINCARÉ, sau một cuộc lễ kỷ-niệm đình-chiến.

Ông BOURGET nói lúc hội-đàm ấy, ông POINCARÉ có nói, theo ý ông, ngày đình-chiến là một ngày rất xui-xẻo cho nước Pháp, bởi vậy ông cực-lực phản-kháng sự ký tên đình-chiến, còn trái lại, ông CLÉMENCEAU, WILSON và LLOYD GEORGE thì lại hết sức tán-thành.

Ông POINCARÉ nói, theo ý ông, ngày ấy là một cơ hội độc-nhất-vô-nhị, bắt buộc nước Đức phải qui gối, cúi đầu mãi mãi, nhưng người ta lại không muốn làm, bởi vì :

1° Quốc-dân Pháp ao-ước được hòa-bình quá lẽ ; 2° ông CLÉMENCEAU dòm thấy trước, nếu đình-chiến sẽ có lợi cho cuộc tranh-cử sẽ tới của ông rất lớn.

Vì lẽ ấy, theo ý ông POINCARÉ thì ông CLÉMENCEAU không làm đúng bổn-phận đối với quê-hương, và cũng từ đó đến giờ, không khi nào nước Đức chịu nhìn nhận sự bại-trận của họ.

C. L.

∴

ĐỨC

Tiếng « Fuhrer » chỉ để riêng dùng cho Hitler thôi

Theo nghị-định ngày 15 Octobre thì tiếng « *Führer* », nghĩa là lĩnh-tụ, xưa nay dùng để chỉ những người có quyền-thế lớn, bây giờ chỉ dùng để gọi HITLER thôi. Vì HITLER không những chỉ là lãnh-tụ đảng Quốc-gia xã-hội mà lại là chúa-tể cả nước Đức kia, vậy thì tiếng « *Führer* » là một tiếng phải thờ kính, các lĩnh-tụ các đảng không ai được dùng, mà chỉ để dành riêng cho nhà độc-tài thôi.

Số người tự-tử ở Đức

Theo một bản thống-kê của Chính-phủ Đức thì trong 14 năm vừa qua, ở Đức có đến 225.000 người tự-tử. Tính số trung-bình thì mỗi năm số người tự-tử ở Đức là 16.000 người. Đó cũng là cái biểu-chứng cho sự tinh-thần khủng-hoảng ở Đức vậy.

∴

ẤN-ĐỘ

Ông Gandhi đã bỏ đảng Quốc-dân Ấn-độ

Sau phiên nhóm vào hồi cuối tháng Septembre tại *Bombay*, ông GANDHI đã tuyên-bố không đứng đầu đảng Quốc-dân Ấn-độ nữa, vì những đảng-viên trong đảng đã bác những điều dự-định cải-cách của ông.

Nếu Anh có chiến-tranh, Ấn-độ sẽ không giúp

Trong một cuộc hội-nghị mới đây, đảng xã-hội Ấn-độ có tuyên-bố rằng nếu nay mai nước Anh có dự vào bất-kỳ là cuộc chiến-tranh nào của thế-giới, không những là Ấn-độ không tiếp với Anh mà lại còn lợi-dụng cơ-hội ấy để mưu cho Ấn-độ được độc-lập nữa.

Đảng xã-hội lại cổ-động dân Ấn bảo rằng nếu Anh có chiến-tranh mà bắt dân Ấn đi lính hay lấy các vật-liệu của Ấn mà dùng làm binh-lương thì phải phản-kháng đến cùng.

60

NHẬT

Đường giao-thông điện-thoại từ Nhật qua Anh Mỹ.

Đã thí-nghiệm cuộc giao-thông bằng điện-thoại từ thành *Osaka* (Nhật) qua Luân-đôn (Anh) và *San-Francisco* (Mĩ). Cuộc thí-nghiệm này được kết-quả mĩ-mãn. Người ta dự-bị thí-nghiệm nữa và đến chừng tháng Mars sang năm sẽ lập một sở vô-tuyến-điện-thoại từ Nhật qua Âu và Mĩ. Nói 3 phút đường điện-thoại này phải trả 70 đồng *Yens*.

∴

XIÊM

Vua Xiêm muốn thoái-vị chăng ?

Ngày 28 Octobre có tin rằng Xiêm-hoàng có ý muốn thoái-vị, có lẽ là vì Quốc-vụ-viện đã tước cái quyền của vua trong việc xử tử-hình. Ý muốn ấy đã thông cho Chính-phủ *Bangkok*. Một bản thông-cáo gửi cho các nhà báo đã nói dích xác về ý muốn ấy.

Tuy vậy, việc thoái-vị này có lẽ cũng chưa thành hẳn. Viên bí-thư của Xiêm-hoàng có tuyên-bố rằng nếu Chính-phủ chịu nhượng-bộ ý đâu thì nhà vua sẵn lòng tại vị.

Hiện vua và hoàng-hậu đang du-lịch ở Luân-đôn.

∴

Tất cả thế-giới có bao nhiêu người ?

Theo cuộc điều-tra của các nước thì suốt hoàn-cầu bây giờ có hai ngàn triệu người (2 000.000.000). Đứng đầu là châu Á có một ngàn một trăm triệu người (1.100.000.000). Thứ hai đến châu Âu có năm trăm triệu (500.000.000). Châu Mĩ co 250 triệu (250.000.000). Còn ít nhất là châu Úc, kể cả xứ *Australie* vào mà chưa được 12 triệu (12.000.000).

Người ta phỏng đoán rằng hàng năm có 36 triệu người chết và 52 triệu người sinh ra, nghĩa là trong 3 giây đồng hồ có thêm 5 người và mất đi 3 người.

D. N. N.

THỜI-CỤC NƯỚC TÀU

Nước Tàu là một nước lớn nhất ở trên đại-lục châu Á. Nước Nhật từ khi xướng lên cái chính-sách « Đại-á-tế-á » thế tất phải chinh-phục lấy nước Tàu thì mới đạt được đến mục-đích, bởi thế mới gây ra sự lấy Mãn-châu, đó mới là cái bước đầu người Nhật thực-hành cái chính-sách đại-lục, đợi đến khi công việc ở Mãn-châu xếp đặt đã vững-vàng, thì bấy giờ mới ra mặt xâm-lược lĩnh-thổ Trung-hoa, chứ chẳng cần phải che đậy gì nữa; ý ấy đã bày tỏ ra một bài đầu đề là: « Sự-nghiệp kiến-thiết ở đại-lục châu Á đã đến cái thời-kỳ làm việc ở miền Hoa-bắc lần thứ hai » đăng ở báo « *Danh-cổ-ốc tân-văn* » đại-lược rằng: « Người Nhật rất có quan-hệ với đại-lục Á-châu, nên người Nhật có cái sứ-mệnh trọng-đại đối với đại-lục Á-châu; từ khi xảy ra việc biến ở Mãn-châu, tức là cái thời-kỳ bắt đầu thực-hiện cái sứ-mệnh ấy. Bán-đảo Triều-tiên kia nhô ra ở đại-lục châu Á, về đường địa-lý có quan-hệ với đế-quốc Nhật, tức là cái cầu

thang để dẫn người Nhật đi vào đại-lục mà mở-mang.

« Theo lịch-sử đã qua mà nói, bán-đảo Triều-tiên tức là môi-giới cho văn-minh đại-lục truyền đến Nhật-bản, cũng tức là sứ-mệnh trọng-yếu trong cái chính-sách thực-dân. Dân-tộc Nhật sở-dĩ giữ được sinh-mệnh, được mở-mang ra ngoài, đều nhờ ở bán-đảo ấy làm lối đi qua, mà đại-lục Á-châu mới thành là cái dây sinh-mệnh của Nhật vậy.

« Nhưng cái sứ-mệnh trọng-đại của Nhật ở đại-lục Á-châu này, dẫu đã bắt đầu từ cuộc gây dựng lên « nước Mãn-châu », nhưng không thể nói là đã làm hết chức-trách, chúng ta nên lấy toàn-thể Trung-quốc, toàn-thể Á-châu làm mục-đích, đem văn-hóa và kinh-tế cố làm cho dung-hợp với nhau, từ việc gây dựng « nước Mãn-châu » rồi suy rộng đến cả đại-lục Trung-quốc, khiến cho cùng dân-tộc Nhật sinh ra đồng-cảm đồng-tình, thành mối quan-hệ không rời ra được, đó là cái lý-tưởng rất lớn của chúng ta.

« Việc kiến-thiết « nước Mãn-châu » rất được thuận-lợi, cùng thời Nhật-bản lại mong việc hoạt-động về chính-trị ở miền Hoa-bắc cũng được ngày thêm dễ-dàng. Ngày nay cái ý định của Nhật đã rõ-ràng không thể lay động được, mà phần chủ-yếu của ý ấy tức là Nhật-bản nay đã tiến thêm một bước đứng vào cái thời-kỳ hoạt-động về chính-trị ở miền Hoa-bắc. Nói cho rõ ra, tức là cái thời-cơ bắt đầu vào công-cuộc kiến-thiết lần thứ hai ở đại-lục Á-châu này... »

Ấy tình-hình nước Nhật đối với nước Tàu thì hô-hào hoạt-động như thế, nay đã hạ lấy mất cả cái biển « *Thiên-hạ đệ-nhất-quan* » treo ở cửa thành Đông-la Sơn-hải-quan đi rồi. Thế mà tình-hình chính-phủ Tàu thì hãy còn chia rẽ đảng phái, chưa thật nhất-trí; ở phía Quảng-tây, Phúc-kiến, quân Cộng-sản vẫn còn quấy rối, đuổi chỗ nọ lại chạy ra chỗ kia. Chẳng hay sau này vận-mệnh nước Tàu sẽ kết-cục ra sao?

VIỆC TRONG NƯỚC

Đức Bảo-đại ban khen bộ « Việt-Nam Tự-điển » của Hội Khai-trí Tiến-đức.— *Bộ Việt-Nam Tự-điển của Hội Khai-trí Tiến-đức mới in được non nửa, mới đây Hội có đem dâng đức Bảo-đại ngự-lãm. Ngày 12* Octobre, *đức Bảo-đại có ban khen mấy lời như sau này :*

« *Quyển Tự-vị làm ra công-phu nhiều lắm, thâu-thái được nhiều tài-liệu rõ-ràng. Tiếng nước mình tuy là phổ-thông trong cả ba kỳ, nhưng có nhiều tiếng riêng của từng xứ nói ra chưa hiểu chung được với nhau. Nay có quyển Tự-vị này để làm cái dây liên-lạc cho tiếng Việt-Nam thời sẽ được tương-thông dễ-dàng và mau chóng. Ngày sau quốc-văn có thể lấy đó làm chuẩn-đích, cũng như quyển tự-vị chữ Pháp của hội Hàn-lâm vậy. Nay mới đến chữ K, tức là gần được nửa phần, vậy hội Khai-trí nên gắng mà làm tiếp thêm cho mau toàn bộ thời hay lắm* ».

Khâm-thử

Đông-dương Đại-hội-nghị kinh-tế và tài-chính.— *Ngày 15* Octobre *1934 quan Toàn-quyền ở Sài-gòn đã ký một đạo nghị-định triệu-tập Đại-hội-nghị kinh-tế và tài-chính xứ Đông-dương đến ngày thứ ba 4* Décembre *1934 thì họp tại Sài-gòn.*

Chương-trình các việc đem xét đã định như sau này :

A.— Việc trong viện

Bầu cử ban trị-sự.

Cử hai ban thường-trực Nam Bắc.

Cử đại-biểu dự hội-đồng thực-dân.

Cử hai đại-biểu Pháp và một đại-biểu bản-xứ vào hội-đồng.

Xét việc khai-hóa các thành-phố.

Cử mỗi xứ một hội-viên đi dự hội-đồng vận-tải đường bộ.

B.— Các vấn-đề tài-chính đem hỏi ý-kiến Đại-hội-nghị

Ngân-sách Đông-dương :

Số chi năm 1933 và dự-án các ngân-sách năm 1935.

C.— Các vấn-đề tài-chính đem Đại-hội-nghị xét và quyết-định

Việc sửa đổi mấy thứ thuế của người Đông-dương, Á-châu và Âu-châu.

Giảm 50% các bức điện-tín trong xứ và thư-tín gửi từ cảng nọ đến cảng kia hay do tầu bay chở đi.

Về thuế thuốc lá và diêm

Tăng thuế nội-địa và sửa.

D. – Vấn-đề kinh-tế đem hỏi ý-kiến

Đặt thể-lệ về việc bán thuốc bắc; hợp-đồng với hãng « Havas » để quảng-cáo cho gạo; các nhà máy điện ở Vientiane, Tuy-hòa và Hà-tĩnh.

Các quan Giám-đốc không được dùng xe ô-tô của chính-phủ nữa. – *Ngày 19* Octobre, *quan Toàn-quyền ra nghị-định không cho các quan Giám-đốc các sở sau này dùng ô-tô của chính-phủ kể từ mồng 1* Janvier *1935 :*

Quan Giám-đốc sở Kiểm-sát Tài-chính, quan Tổng Chưởng-lý Giám-đốc viện Tư-pháp, quan Tổng Thanh-tra Vệ-sinh và Y-tế, các quan Giám-đốc Tài-chính, Học-chính, Thương-chính, Ngân-khố, Bưu-điện, cùng quan Giám-đốc tòa Hành-chính và chính-trị Đông-dương, các quan Chánh-án và Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội và Sài-gòn.

Những xe của nhà nước các ngài vẫn dùng trước, nay chính-phủ đem bán đấu-giá.

Ngài nào có xe ô-tô riêng đem dùng vào việc công thì chính-phủ phụ-cấp cho mỗi năm 1.500 đồng, phát dần từng tháng một. Nếu dùng ô-tô riêng đi việc công ra các tỉnh khác tỉnh trụ-sở mình, thì mỗi cây số được phụ-cấp 7 xu.

Kết quả cuộc bầu-cử tại viện Dân-biểu Bắc-kỳ họp hội-đồng thường-niên năm 1934.— *Ngày 20* Octobre, *viện Dân biểu Bắc-kỳ đã khai-mạc kỳ hội đồng thường-niên, sau khi nghe các bài diễn-thuyết khai hội-đồng rồi đến các cuộc bầu-cử trong mấy buổi, kết-quả như sau này :*

Ông Phạm Huy-Lục lại trúng cử chánh Nghị-trưởng.

— Vũ Văn-An phó Nghị-trưởng.

— Lê-Thăng chánh Thư-ký.

— Vũ Đức-Hinh phó Thư-ký.

Ba ông Vũ Đình-Hiến, Nguyễn Văn-Tứ và Nguyễn Văn-Hùi làm cố-vấn.

Đại-biểu đi dự Đại-hội-nghị Đông-dương :

Ba ông thực-thụ : Nguyễn Văn-Vĩnh, Vũ Văn-An và Trần-Ký.

Ba ông dự-khuyết : Nguyễn Văn-Luận, Quản Trọng-Tiến và Phạm Hữu-Ninh.

Ba ông vào ban thường-trực : Phạm Huy-Lục, Đỗ Thúc-Phách và Phan Tất-Tạo.

Quan Võ-hiển Hoàng Trọng-Phu đã về nhiệm chức cũ. — *Quan Võ-hiển Hoàng Trọng-Phu qua du-lịch bên Pháp, ngày 22* Octobre *đã trở về tới Hà-nội. Các quan-chức Tây Nam đón mừng tại ga Hà-nội đông lắm. Ngày mồng một* Novembre *Ngài lại lĩnh chức cũ Tổng-đốc Hà-đông.*

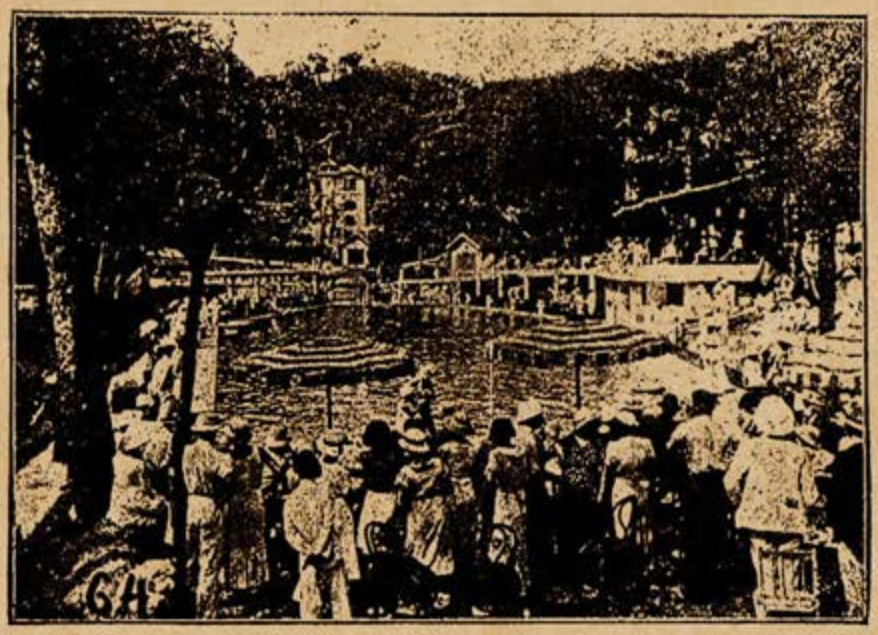

I — Bể tắm mới sây tại Tam-Đảo

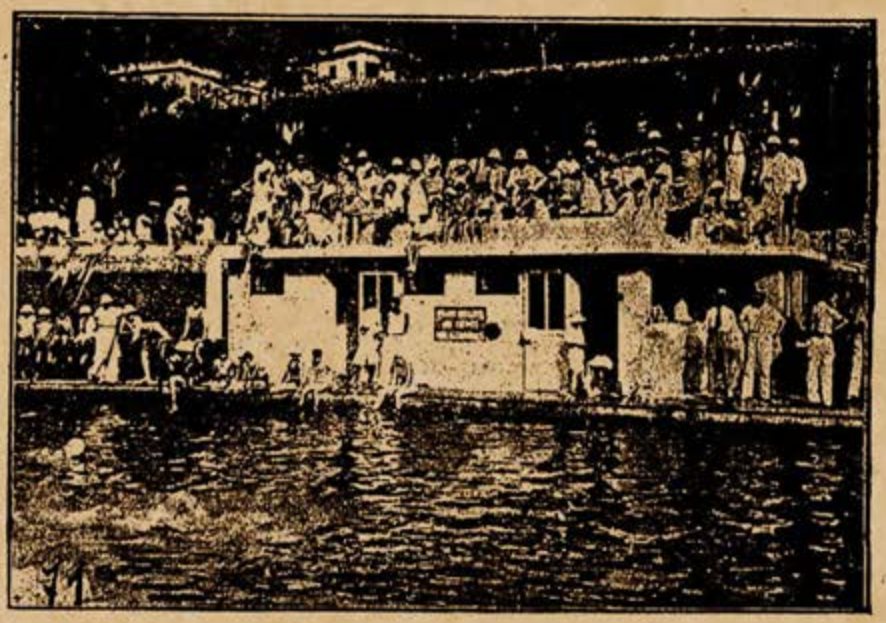

II — Bể tắm mới sây tại Tam-Đảo

Kinh ảnh Hương-Ký

Trận mưa bão làm tai-hại ở Trung-kỳ.— *Ngày 24 và 25 tháng 10 có trận mưa bão làm tai-hại một dải từ Đồng-hới tới Vinh thuộc Trung-kỳ. Cứ tin các báo hằng ngày và chính-phủ lai-cảo thì ở Đồng-hới có tới 200 người chết, 2.000 súc-vật chết và 3.000 nhà bị tàn-phá. Ở Hà-tĩnh, 191 người chết, 4.000 nhà bị tàn phá, 200 chiếc thuyền trôi mất ; lược tính ra số thiệt-hại trước hơn 30 vạn đồng bạc. Ở Nghệ-an và Quảng-trị bị thiệt-hại nhiều lắm, chưa rõ số người bị hại, mùa màng mất đến gần nửa, nhà cửa đổ nhiều. Ở Vinh một nửa miền dưới cũng bị thiệt-hại nhiều. Các nơi nước ứ lên rất mau, mực nước cao bằng mực nước năm 1903 là mực cao nhất xưa nay, đê và đường xe lửa vỡ những đoạn dài từ 2 đến 8 thước và từ 20 đến 400 thước, đường sắt bị đứt và trôi phăng đi hàng 100 thước. Nhiều cầu bị tàn-phá, hại nhất là 3 cái cầu : Một cái cầu sắt dài 150 thước, hai cái cầu si-mang cốt sắt dài 15 thước đều bị gẫy và trôi đi. Trong miền bị tàn phá từ Vinh tới Đồng-hới dài đến 300 cây số, đường xe lửa phải chữa sửa lại nhanh lắm là một tháng mới xong, phí-tổn đến vài mươi vạn đồng bạc. Sau khi mưa bão, quan Khâm-sứ Trung-kỳ, quan Thanh tra Hành-chính và Chính-trị, quan Thượng-thư bộ Lại, quan Thượng-thư bộ Tài-chính và Cứu-tế đã đều đến thăm những nơi bị hại. Quan Khâm-sứ đã đồng ý với Triều-đình định mở cuộc lạc quyên lấy tiền cứu dân bị nạn.*

Ngày sinh-nhật đức Bảo-đại.— *Ngày 23 tháng 9 ta (30-10-34) là ngày sinh nhật đức Bảo-đại, ở Nội-điện Triều-đình Huế có làm lễ vạn-thọ rất trọng-thể. Ngày ấy các công-sở và các trường-học thuộc Trung-kỳ và Bắc-kỳ đều nghỉ cả ngày để tỏ lòng khánh-chúc.*

Tin thêm về kho vàng ở bãi bể Sầm-sơn — *Nay mới được tin thêm rằng quan Tổng-đốc tỉnh Thanh-hóa nói cái chỗ kho vàng ấy nhà-nước không coi giữ nữa. Số thu hiện được 99 nén vàng mỗi nén 10 lạng và một phần tư nén nữa, trị giá sáu vạn bạc, và hơn một trăm nén bạc, hơn mười cân tiền đồng cổ. Còn như tin được rùa vàng và ngai vàng là tin sai.*

Số tiền thu vào của công-nhu toàn cõi Đông-dương bị sụt.— *Kể từ ngày 1* Janvier *đến 31* Août *1934, số tiền thu vào trong toàn cõi Đông-dương so với số dự-toán, bị sụt mất 4.084.019 đồng bạc.*

Dân-số cõi Đông-dương.— *Cứ báo thông-tin của bộ Thuộc-địa thì dân-số cõi Đông-dương như sau này : Trung-kỳ 5.000 người Tây, 5.187.000 người Nam ; Bắc-kỳ 18.000 người Tây, 8.078.000 người Nam ; Nam-kỳ 16.000 người Tây, 4.468.000 người Nam ; Ai-lao 1.000 người Tây, 943.000 người Lào ; Cao-miên 2.000 người Tây, 5.187.000 người Cao-miên. Tổng-cộng 42.000 người Tây và 23.863.000 người Nam*

Số gạo và ngô Đông-dương đã xuất-cảng.— *Kể từ đầu tháng* Janvier *đến 15* Octobre *1934, số gạo Đông-dương đã xuất-cảng cộng là 1.196.901 tấn ; số ngô đã xuất-cảng được 160.000 tấn.*

Giới-thiệu sách mới

Bản-báo mới nhận được hai cuốn sách mới của nhà « Đời nay » xuất-bản là :

1) **Gánh hàng hoa** của các ông Khái-Hưng và Nhất-Linh, giá 0$60.

2) **Dòng nước ngược** của ông Tú-Mỡ, giá 0$50.

Vậy xin giới-thiệu cùng độc-giả và cám ơn các tác-giả.